

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN**

---

**BÙI THỊ MỸ LÊ**

**PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT THƠ  
VŨ QUẦN PHƯƠNG**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC**

**Thái Nguyên - 2013**

**MỤC LỤC**

Trang

Trang bìa phụ	
Lời cam đoan	
Lời cảm ơn	
Mục lục.....	i
<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề .....	2
3. Nhiệm vụ của luận văn .....	12
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	12
5. Phương pháp nghiên cứu .....	13
6. Đóng góp mới của luận văn .....	14
7. Cấu trúc của luận văn.....	14
<b>PHẦN NỘI DUNG .....</b>	<b>15</b>
<b>Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT VÀ</b>	
<b>HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO CỦA VŨ QUẦN PHƯƠNG .....</b>	<b>15</b>
1.1 Khái niệm phong cách tác giả.....	15
1.1.1. Khái niệm về phong cách.....	15
1.1.2. Phong cách tác giả.....	16
1.2. Hành trình sáng tạo Vũ Quần Phương .....	18
1.2.1. Khái quát tiểu sử và sự nghiệp.....	18
1.2.2. Cái tôi trữ tình và hành trình sáng tạo .....	20
1.3. Quan niệm nghệ thuật .....	28
<b>Chương 2. CẢM THỨC TRỮ TÌNH MANG TÍNH TRIẾT LÝ - ĐẶC</b>	
<b>TRUNG PHONG CÁCH THƠ VŨ QUẦN PHƯƠNG .....</b>	<b>35</b>
2.1. Chủ đề chiến tranh và thế sự.....	35

2.2. Chủ đề tình yêu và gia đình .....	47
2.3. Chủ đề về các văn - nghệ sĩ .....	54
2.4. Những văn thơ đặc sắc thay lời tiểu kết.....	60
<b>Chương 3. ĐẶC TRƯNG THI PHÁP THƠ VŨ QUẦN PHƯƠNG .....</b>	<b>67</b>
3.1. Tứ thơ .....	67
3.1.1. Tứ trong bài.....	68
3.1.2 Tứ trong câu .....	73
3.2 Giọng điệu.....	75
3.2.1. Giọng độc thoại.....	76
3.2.2. Giọng trữ tình, hóm hỉnh .....	77
3.2.3. Giọng thơ nhẹ nhàng, hoài niệm.....	81
3.3 Ngôn ngữ thơ .....	84
3.3.1. Ngôn ngữ đời thường.....	85
3.3.2. Ngôn ngữ giàu màu sắc triết lí.....	87
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>91</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>93</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Vũ Quần Phương thuộc lớp nhà thơ xuất hiện thời chống Mỹ cùng các tên tuổi như Lê Anh Xuân, Bằng Việt, Xuân Quỳnh, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Khoa Điềm, Hữu Thỉnh, Nguyễn Duy, Nguyễn Đức Mậu,... Ông đến với thơ từ khá sớm và sớm định hình những nét riêng và quan niệm riêng về thơ. Ở bài tựa cho tập thơ “phong trào” hồi đó, nhà thơ Chế Lan Viên đã phát hiện ra “Đài quan trắc khí tượng là một đề tài khá khô khan, nhưng Vũ Quần Phương gửi vào đó lòng yêu tổ quốc, và cái đề tài khoa học đó trở thành tình cảm” [64] .

Đến với thơ Vũ Quần Phương, độc giả không cảm nhận cái hơi thở nóng hổi, thô nhám mà đi sâu vào tâm hồn người đọc là những suy tư chiêm nghiệm về con người, về thế sự. Một điều gì đó như là sau câu, sau chữ những triết lí trử tình mà ông gửi vào đó tâm huyết, trải nghiệm. Sau này, một nhà thơ trẻ vừa rồi gọi ông là nhà thơ có “con mắt xanh” và trái tim nồng ấm tình đời, sự mẫn cảm thông tuệ của “người quan trắc” (Nguyễn Hữu Hồng Minh).

Vũ Quần Phương đã được người đọc cả văn đàn khẳng định bằng hàng loạt các giải thưởng như: Giải thưởng hội nhà văn Việt Nam với tập thơ *Những điều cùng đến* (1983), giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam với tập thơ *Vết thời gian* (1996), giải thưởng Nhà nước năm 2007. Ông đã để lại dấu ấn riêng khó lẫn.

Chúng tôi nhận thấy trước nay, mặc dù có rất nhiều bài viết nghiên cứu về thơ Vũ Quần Phương nhưng vẫn còn thiếu những chuyên đề đi sâu về phong cách thơ ông. Đó chính là lí do chúng tôi kế thừa và lựa chọn đề tài **Phong cách nghệ thuật thơ Vũ Quần Phương** trong luận văn này.

## 2. Lịch sử vấn đề

Trong thời kì chống Mỹ, thơ Vũ Quần Phương dường như còn khuất lấp trước những vần thơ sục sôi cổ vũ tinh thần chiến đấu, ở những thời khắc ác liệt, cam go của chiến trận. Ông thường hướng ngòi bút của mình vào những suy tư, chiêm nghiệm, những khoảng lặng của chiến giữa những loạt súng bắn thù. Như hạt ngọc ẩn dấu, theo thời gian, dư luận về thơ Vũ Quần Phương cùng những sự quan tâm của độc giả và các nhà nghiên cứu thơ của ông ngày càng nhiều. Chúng tôi thống kê, khảo sát trên sách báo, mạng, ... một cách khá công phu đến thời điểm này chúng tôi thấy đã có tới trên dưới năm mươi bài viết được đăng tải. Qua các bài viết, bài nghiên cứu, Vũ Quần Phương đã được khẳng định trên nhiều phương diện từ nội dung đến nghệ thuật, quan niệm, tư tưởng, cảm hứng, giọng điệu thơ đều mang một phong cách riêng dễ nhận biết.

Trong khuôn khổ một luận văn thạc sĩ, xin lược một số ý kiến quan trọng có liên quan đến nội dung triển khai đề tài.

### 2.1. Những ý kiến đánh giá chung về Vũ Quần Phương cùng thế hệ các nhà thơ chống Mỹ

Vũ Quần Phương xuất hiện cùng thời với thế hệ các nhà thơ trẻ chống Mỹ nên quá trình sáng tác của ông gắn liền với những năm kháng chiến chống Mỹ. Tính từ tập thơ đầu tay *Âm thanh im lặng* được viết trong những năm 1962 – 1968 đến nay, ông đã có hơn 40 năm cầm bút. Với sức sáng tạo bền bỉ, đầy tâm huyết, thi sĩ đã cho ra mắt độc giả 10 tập thơ với một phong cách riêng, khó lẫn với các nhà thơ khác. Ngay từ những đứa con tinh thần đầu tiên, thi sĩ xuất thân từ bác sĩ ấy đã chiếm được cảm tình của độc giả yêu thơ và của các nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu, phê bình.

Trong lời tựa của Chế Lan Viên ở tập thơ *Sức mới* - tập thơ bạn trẻ xuất bản năm 1965 có viết: “Tập thơ này đáng yêu, vì đồng thời với việc làm

cho ta *thấy* cuộc sống, nó còn làm cho ta *yêu* cuộc sống. Chính cái tình yêu này nó làm cho ta đánh giá đúng các sự vật. Nhờ tình yêu quê hương đất nước sâu sắc, *Bếp lửa* của *Bằng Việt* không quanh quẩn chỉ là một bài thơ bà cháu riêng tây. Cảnh bộ đội ở nhà dân rồi ra đi là một cảnh com bữa hàng ngày, nhưng tình yêu nhân dân, lòng mong mỗi thống nhất, đã làm cho bài thơ *Lòng mẹ* của *Xuân Quỳnh* xúc động như những bài về loại này viết trong thời kỳ kháng chiến. *Đài quan trắc khí tượng* là một đề tài khá khô khan, nhưng *Vũ Quần Phương* gửi vào đó lòng yêu Tổ quốc, và cái đề tài khoa học đó trở thành tình cảm..." [64].

Năm 1975, trong bài viết *Thơ với cuộc kháng chiến chống Mỹ vĩ đại của dân tộc*, Vũ Tuấn Anh đã khẳng định sự đóng góp to lớn của thế hệ những nhà thơ trẻ trong đó có Vũ Quần Phương: "Lớp trẻ đã đem đến sự đông vui ồ ạt cho cả nền thơ bằng tiếng nói sôi nổi, mới mẻ và duyên dáng của riêng lứa tuổi họ... lứa tuổi tha thiết tin yêu cách mạng và đang có mặt trên khắp các mặt trận sản xuất, chiến đấu" [2]. Cũng trên tạp chí Văn học, năm 1983, Bích Thu nhấn mạnh sự sáng tạo tìm tòi, trăn trở để đổi mới, cách tân của cả thế hệ nhà thơ cùng thời với Vũ Quần Phương: "họ đã không ngừng tìm tòi, trăn trở để đổi mới cách diễn đạt, xóa dần khoảng cách giữa thơ với bạn đọc... Công bằng mà nói, những thành tựu của giai đoạn thơ sau này thường thuộc về các cây bút trưởng thành trong chống Mỹ: Thu Bồn, Xuân Quỳnh, Bằng Việt, Phạm Tiến Duật, Vũ Quần Phương ..." [52]. Đến năm 1984, khi Vũ Quần Phương nhận được giải thưởng về thơ của Hội nhà văn với tập thơ *Những điều cùng đến*, giới thiệu tập thơ này trên Tạp chí Văn học, Bùi Công Hùng đã nhận xét: "Gấp lại tập thơ *Những điều cùng đến* và viết dòng cuối của bài viết này, tôi có một ao ước: Vũ Quần Phương còn đang trong độ chín của tài năng thơ và của sự từng trải vốn sống, sẽ mang đến được cho người đọc những tập thơ, bài thơ hay hơn nữa"[13]. Giáo sư Hà Minh

Đức cho rằng: “Văn học miền Bắc trong thời kì chống Mỹ cũng có những thành tựu quan trọng về tiểu thuyết, thơ ca, kịch nói. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng của đất nước ở tầm cao của thời đại biểu hiện trong nhiều hoạt động tiêu biểu trong đó có văn nghệ, Lực lượng văn nghệ tập hợp nhiều thế hệ đông đảo hơn bao giờ hết. Có thể thấy trong thơ nhiệt huyết và sự đóng góp của các nhà thơ lớp trước từ Xuân Diệu, Huy Cận,... đến một thế hệ mới trưởng thành đông đảo trong những năm chống Mỹ như Xuân Quỳnh, Phạm Tiến Duật,..., Vũ Quần Phương, Phan Thị Thanh Nhàn,... Họ đem sức trẻ và tài năng đến với thi đàn, với giọng điệu mới mẻ, sáng tạo” [9].

Trong SGK Văn học 12, Ban KHXH, Nxb GD, 1997, Tr 199, Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh cũng khẳng định: “Từ 1965 đến 1975, một cao trào sáng tác phục vụ cuộc chống Mỹ trong cả nước được phát động. Đây là thời kì ra đời hàng loạt nhà thơ trẻ có giọng điệu riêng của một thế hệ mới: Thu Bồn, Lê Anh Xuân, Bùi Minh Quốc, ..., Vũ Quần Phương, Nguyễn Đức Mậu, Phan Thị Thanh Nhàn,... ” Nhà nghiên cứu Vũ Anh Tuấn lại nhấn mạnh khả năng sáng tạo của cả thế hệ: “Lớp nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ tiếp tục thể hiện bản lĩnh sáng tạo và vẫn đóng vai trò chủ lực trong sự thể hiện tình cảm của con người thời đại, cả với những chiêm nghiệm chín chắn lẫn những tìm tòi cách tân: Thu Bồn, Nguyễn Khoa Điềm, ..., Vũ Quần Phương, Trần Nhuận Minh, Vân Long, ... ”[2].

Ngoài ra, trong các công trình, chuyên luận nghiên cứu thơ Việt Nam, nhiều nhà nghiên cứu cũng có những đánh giá cao về thơ Vũ Quần Phương. Đáng chú ý là đánh giá của PGS Nguyễn Văn Long: “Một phương diện được chú ý khắc họa như là một nét nổi bật, có ngọn nguồn từ truyền thống dân tộc, trong con người Việt Nam hiện đại là lòng nhân ái, là tình thương, ân nghĩa. Trong văn học chống Mỹ cứu nước, phẩm chất này của con người được thể hiện như là một sự đối lập, vượt lên và chiến thắng sự tàn bạo hủy diệt của

chiến tranh xâm lược, của bom đạn, vũ khí. “Tình thương lớn mạnh hơn sắt thép”. Nhiều tác phẩm đi vào khai thác cái bình tĩnh, tự tin, sự thanh thản của lòng người hay giữa những ngày chiến tranh, thậm chí giữa chiến trường ác liệt (*Tình yêu và báo động* của Bằng Việt, *Âm thanh im lặng* của Vũ Quần Phương, *Vàng trắng và quầng lửa* của Phạm Tiến Duật, ...). Thế giới tình cảm của con người thời chống Mỹ được khai thác ở nhiều mặt, tất nhiên nổi lên và bao trùm vẫn là những tình cảm cộng đồng, tình quê hương đất nước, nhưng không thiếu những tình cảm riêng: tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình,... Nếu như trong văn học thời chống Pháp, phần đời sống cá nhân của con người hầu như bị bỏ qua, thì văn học thời chống Mỹ lại chú trọng khai thác thế giới nội tâm và đời sống con người trong nhiều mối quan hệ tình cảm, để làm nổi bật lên những vẻ đẹp tâm hồn, sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung, lí tưởng và tình cảm” [22].

PGS Vũ Văn Sỹ cũng khẳng định: “Thế hệ thơ chống Mỹ tiếp tục bút pháp tả thực đó và mở rộng phạm vi cái nên thơ của yếu tố sự kiện. Thế hệ thơ chống Mỹ như Thu Bồn, Thái Giang, Phạm Ngọc Cảnh, Bằng Việt, Vũ Quần Phương, Xuân Quỳnh, Nguyễn Khoa Điềm ... đều lấy hiện thực chiến tranh làm cốt lõi... Đối với họ, thơ trữ tình không né tránh bất kì loại chất liệu, sự kiện nào và có thể chuyển tải tất cả các sự việc mà họ trải nghiệm và thấu lượm. Thơ họ gắn liền với đời sống, mỗi chi tiết đều như một hiện vật lưu lại dấu vết một thời, dường như tự nó cất lên tiếng nói với người đọc. Sức lay động và truyền cảm của thơ không chỉ là lời thơ, mà còn là cuộc sống ẩn tàng và chứa đựng trong đó” [49].

Đáng lưu ý là một số bài viết của PGS, TS Vũ Nho, cũng như các nhà nghiên cứu khác, ông khẳng định rằng: “Tên tuổi Vũ Quần Phương là một trong số những cái tên nhất thiết phải được kể đến trong làng thơ Việt Nam hiện đại” [31].



Trên Tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ* (Nxb GD, số 8, tháng 8/2005), có đánh giá về nét riêng về thơ Vũ Quần Phương: “Thuộc lớp nhà thơ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống Mỹ, Vũ Quần Phương đã tìm được cho mình một tiếng nói riêng. Qua những thi phẩm của ông có thể nhận thấy một tiếng thơ sâu lắng, suy tư. Những vần thơ của Vũ Quần Phương không “kêu”, lời thơ không “điệu dàng”, không thật “góc cạnh” mà thường hết sức mềm mại, nhuần nhuyễn, giàu nhạc tính, có sức ngân vang trong lòng người đọc... Nhưng tứ thơ của ông hấp dẫn người đọc bởi những phát hiện mang ý nghĩa nhân văn cao đẹp về cuộc đời” [65].

Nhìn lại những đánh giá chung về thơ thế hệ này, Vũ Quần Phương là một trong những đại biểu xuất sắc của nền thơ chống Mỹ. Tuy nhiên, trong các bài nghiên cứu đương thời thường hiếm khi trích dẫn thơ của ông. Có lẽ thơ Vũ Quần Phương không thiên về đề tài, nhất là thường không phản ánh trực tiếp các sự việc và sự kiện xã hội. Đó là một trong những lí do làm cho chúng tôi chú ý khi chọn đề tài này.

## 2.2. Những ý kiến đánh giá theo hành trình sáng tạo của Vũ Quần Phương

Ngay những tác phẩm đầu tay từ *Cỏ mùa xuân* (in chung với Văn Thảo Nguyên) năm 1964, Vũ Quần Phương đã được công chúng đón nhận và để lại ấn tượng tốt trong lòng độc giả. Trong lời giới thiệu tập thơ *Sức mới*, nhà thơ Chế Lan Viên khi ấy là trưởng tiểu ban thơ Hội Nhà văn Việt Nam đã biểu dương khía cạnh tình cảm trong những bài thơ đầu tay của Vũ Quần Phương. Mười ba năm sau, năm 1977, tập *Hoa trong cây* đã đánh dấu nên một phong cách tác giả. Độc giả lúc này đã hình dung được một hồn thơ trẻ, giàu suy tư và đậm đà hương vị cuộc sống. Phan Cung Việt đã đánh giá: “Với 37 bài thơ mà mỗi bài gọn ghẽ như một ca khúc, tập thơ *Hoa trong cây* là món “quà thơ” đáng nhớ của một nhà thơ trẻ đang mừng đất nước chiến thắng và đầy triển

vọng. Nó cũng lắng đọng như từng bài thơ của anh, biểu hiện cố gắng của anh” [67].

Năm 1983, tập thơ *Những điều cùng đến* ra đời (gồm 22 bài) gồm nhiều bài thơ của ông được in và phát trên đài từ năm 1968 đến 1982. Vũ Quang Minh, Vũ Văn Sỹ đã có những cái nhìn sâu sắc và nhận xét xác đáng về thơ Vũ Quần Phương: “Bên trong cái vỏ ngoài bình lặng của cuộc sống có một mạch ngầm, một dòng chảy nóng ấm với bao nỗi vui - buồn - mừng-giận- hi sinh- chiến thắng. Và cái hương vị ngọt ngào của tình yêu, hạnh phúc chính là đã được kết tinh từ tất cả “những điều cùng đến” ấy” (Nhà văn Hà Nam Ninh, Viện văn học - Hội văn học nghệ thuật Hà Nam Ninh xuất bản 1985). Đây không chỉ là cảm nhận của riêng Vũ Quang Vinh, Vũ Văn Sỹ mà sau này, Nguyễn Hữu Hồng Minh cũng có chung ý nghĩ: “Thơ ấy có sức ôm chứa bởi mỗi giao kết máu thịt với cuộc sống mà nhà thơ trân trọng”.

Trong tập thơ này, Vũ Quần Phương đã hướng ngòi bút của mình đến rất nhiều đề tài trong thế giới khách quan muôn màu, muôn vẻ. Có thể nói “Đi nhiều, thấy nhiều, rung động và suy nghĩ nhiều- đó chính là cái lõi đã tạo nên những mặt giá trị trong thơ Vũ Quần Phương. Mỗi bài thơ của anh như một bức tranh nhỏ về cuộc đời. Ghép nhiều bức tranh nhỏ lại sẽ được một bức tranh lớn ghi nhận được nhiều màu sắc, đường cong về con người và cuộc sống. Và điều đáng nói hơn, có những tiếng nói ở đây rất gần, rất yêu”.

Trong bài *Đọc thơ Vũ Quần Phương* về tập thơ *Những điều cùng đến*, Vũ Duy Thông có nhận xét: “Vũ Quần Phương hay nhắc đến CUỘC ĐỜI ... Với Vũ Quần Phương, CUỘC ĐỜI là cuộc sống, là nhân dân, là đất nước... cuộc đời còn là LỄ ĐỜI, mang dáng dấp triết học. Thơ Vũ Quần Phương đậm màu sắc triết lí” (theo Vũ Quần Phương).

Vũ Quần Phương tiếp tục khẳng định mình trong tập thơ *Cát sáng* (in chung với Bảng Việt năm 1985) và tập thơ *Vàng trắng trong xe bò* (1988) ra

mắt bạn đọc. Có thể nói với tập *Vàng trắng trong xe bò*, nhà thơ Vũ Quần Phương đã có những bước chuyển biến mới mẻ cả nội dung lẫn hình thức. Vũ Quần Phương đã đưa thơ đến với cuộc đời thực một cách chân thực, sinh động bằng thể thơ tự do làm chủ đạo, giọng điệu trầm lắng, nặng suy tư. Thơ Vũ Quần Phương thực sự là những trăn trở, chiêm nghiệm về cuộc đời khi ông đưa vàng trắng lặng lẽ sáng trên bầu trời cao xuống chiếc xe bò lộc cộc đi dưới mặt đất nơi trần thế. Cũng trong tập thơ này đã xuất hiện bài thơ làm nức lòng biết bao độc giả, bài thơ đã góp phần quan trọng làm nên tên tuổi nhà thơ đó là bài thơ *Đợi*. Bài thơ mang đậm chất trí tuệ, đầy ắp suy tư chiêm nghiệm về con người và cuộc đời. *Đợi* được bình chọn là một trong 100 bài thơ hay thế kỉ XX và đã nhận được sự hưởng ứng của số đông độc giả yêu thơ. Về bài thơ *Đợi*, Phạm Văn Chũ đã đánh giá: “Cái ý tưởng đã được thể hiện bằng một cấu trúc ngôn ngữ thơ thật hoàn mĩ. Cả một hệ thống từ ngữ thuần Việt được chọn lọc, tinh luyện đến hàm súc tối đa” [5].

Năm 1996, *Vết thời gian* tiếp tục ra mắt bạn đọc như một sự khẳng định tài năng và phong cách thơ Vũ Quần Phương. Bốn chín bài thơ theo sự trôi chảy của thời gian, của đời người, nó là sự đúc kết vốn sống, kinh nghiệm cùng những ám ảnh về quy luật của thời gian vô tình mà nghiệt ngã trong khi cuộc đời con người hữu hạn và ngắn ngủi. Không phải đến *Vết thời gian* chúng ta mới bắt gặp những ám ảnh về thời gian nơi Vũ Quần Phương mà trước đó trong thơ ông, từ những tập *Những điều cùng đến* hay *Vàng trắng trong xe bò* thì thời gian đã là một chủ đề thi sĩ thường đề cập đến như một nỗi ám ảnh khôn nguôi. Song, phải đến tập thơ này bút pháp của nhà thơ mới đạt đến độ “chín”, nhuần nhuyễn, tinh tế và sâu sắc. Bằng vốn sống, kinh nghiệm cùng sự chiêm nghiệm về cuộc đời, Vũ Quần Phương đã rút ra trong cuộc sống và lồng vào những dòng thơ nặng ân tình những triết lí và kinh nghiệm sống bằng chính sự trải nghiệm thấu đáo của mình. Nguyễn Thị Lan

có nhận xét xác đáng về thơ ông: “Như một khúc nhạc dịu êm, âm hưởng của những câu thơ anh gieo vào lòng ta một nỗi buồn da diết, một nỗi buồn làm trong lại hồn người. Sự cộng hưởng của tâm hồn nhà thơ và tâm hồn người đọc làm cho thơ anh thật đậm và sâu”. Trịnh Thanh Sơn cũng đưa ra nhận xét riêng: “Tập thơ kết tinh bao nhiêu trải nghiệm, những nông nổi cuộc đời. Dấu vết của tháng năm in đậm và xuyên suốt cảm xúc của anh, tạo nên những câu thơ thâm trầm, sâu lắng và đầy đặn vật” [47].

Năm 2000, tập thơ *Quên chữ, quên câu* tiếp tục ra mắt độc giả theo mạch cảm xúc và sự suy tư chiêm nghiệm của nhà thơ. Tập thơ có 51 bài, phần lớn được viết theo thể tự do (chiếm đến 36 bài). Âm hưởng chung của tập thơ là bi nhưng không lụy. Cái buồn của thi sĩ không phải là cái buồn chìm đắm, cô đơn không lối thoát như trong thơ *Mới* mà đó là cái buồn của một người có trái tim nhạy cảm và tâm hồn sâu sắc, hướng nội và viết thơ bằng chính những chiêm nghiệm về hiện thực cuộc đời đang ngày một đổi thay theo thời thế, theo bước đi của thời gian. Như lời nhận xét của Minh Phương: “Các hiện tượng ngỡ như vụn vặt, ngẫu nhiên của đời sống trong cách chiêm nghiệm của anh được nâng lên thành chân lí, thành phương châm xử thế. Thơ anh nhuần nhuyễn trong giọng thơ giản dị và tứ thơ kiệm lời. Anh thường làm sáng rõ chủ đề bằng cách diễn đạt ngắn gọn, có những phát hiện dễ dàng lại thật sâu sắc và mới mẻ” [34].

Vũ Nho trong bài *Hành trình với Vũ Quần Phương* có nhận xét: “Điểm mới của Vũ Quần Phương ở tập thơ này chính là lấy thời gian, bằng thời gian để cảm nhận cuộc đời muôn màu muôn mặt, một cuộc đời trần thế với nhiều niềm vui và không ít nỗi buồn, nhưng đó là nơi trú ngụ cho những “cõi người thăm sâu” là nơi hằng sống hằng yêu. “Đời trăm vị, dầu đắng cay cũng hã” (*Thơ tặng Tháp bút ở Hồ Gươm - Hà Nội*). Hình như càng sống với thời gian, có nhiều thời gian ở trong tay, có nhiều thời gian trong ba lô trên vai (*Thời*

*gian trải nghiệm*) thì nhà thơ càng bình tĩnh, tự tin trước sự sống chết, trước lẽ mất còn, trước sự thăng trầm, trước sự biến thiên, trước con đường xa thăm thẳm. Và vì thế thơ càng đậm. Có nhiều câu thơ viết như không mà rung rung thăm thía” [31].

Đến năm 2003, Vũ Quần Phương cho ra mắt tập thơ *Giấy mệnh mỏng trắng* thêm một lần nữa khẳng định tài năng và vị trí của ông trên văn đàn. Tập thơ tiếp tục là những sự chiêm nghiệm, triết lí của ông về con người, về cuộc đời trong bức tranh đa sắc màu của cuộc sống. Một điều đáng lưu ý là trong tập thơ này, Vũ Quần Phương có một mảng viết về những tình cảm thiêng liêng, tình máu mủ, về những người thân yêu của mình. Đó là nỗi nhớ con, nỗi nhớ cháu, những người thân yêu nơi xa xôi đất khách quê người (*Thăm con, Thơ tặng trường Monash, Thơ gửi cháu, Cu Tuệ,...*), hay đó là tiếng nấc nghẹn ngào, sự xót xa đau nhói trước nấm mồ của mẹ (*Viếng mẹ mẹ ngày áp Tết*)... Có thể đó là những nỗi lòng sâu thẳm từ trong tâm thức nhà thơ – một người vốn từ nhỏ đã thiếu đi những tình cảm thiêng liêng máu mủ của mình nên ông dồn hết những tình yêu thương cho con cháu, gia đình...

Với xuất phát điểm là một người theo ngành Y, ông luôn cố gắng, nỗ lực không ngừng, luôn say mê sáng tạo, cống hiến và đã cho ra mắt độc giả những đứa con tinh thần đầy tâm huyết như một phương thuốc chữa trị cho tâm hồn con người đang ngày một khô khan, cần cỗi đi bởi đời sống kinh tế thị trường phát triển như vũ bão ngày nay. Năm 2005, Vũ Quần Phương cho ra mắt độc giả tập thơ *Chỗ ấy, sống*. Tập thơ là sự chất chiu tâm tưởng, sự chất lọc ngôn ngữ một cách điêu luyện theo kiểu “Ý tại ngôn ngoại”. Với 65 bài thơ nhưng đa số là những bài ngắn gọn, xúc tích mà dồn nén bao suy tư, chiêm nghiệm, đúc rút ra biết bao những triết lí về cuộc đời. Có khi bài thơ chỉ với 5 câu, thậm chí 2 câu nhưng lại khái quát được những vấn đề vĩ mô của xã hội bằng những trải nghiệm và vốn sống của mình. Trần Phương đánh

giá về tập thơ: “Bây giờ Vũ Quần Phương đến “*Chỗ ấy, sóng...*” đã thật khác anh nhiều lắm. Khác không phải anh chạy theo cái mới mới mà chính anh tự đổi mới anh, sự đổi mới không phải ở câu chữ mà ở ngay sự suy nghĩ cho những vấn đề nhỏ bé trong cuộc sống, không đao to búa lớn nhưng ý nghĩa của vấn đề thật sâu sắc, những ẩn ý tế nhị nằm sâu trong nội tại từng câu thơ”.

Nhà phê bình Lưu Khánh Thơ đánh giá: “Tập thơ giống như một sự thanh lọc tâm hồn. Có sự ăn năn, có sự nuối tiếc pha lẫn lòng kiêu hãnh ngẫm về một bóng dáng nào đó, có thể là bóng dáng một nàng thơ. Nó kêu gọi và mong muốn con người sống tốt hơn, sống tử tế hơn. Đó là điều đáng để chúng ta trân trọng và khâm phục” [56].

Trịnh Đình Hùng nhận xét: “Quán xuyên suốt tập thơ mới này của Vũ Quần Phương là tâm sự của người đã bắt đầu bước sang tuổi nhìn lại. Chúng ta gặp trong phần lớn các bài thơ chất suy ngẫm, nghĩ ngợi. Nhưng sức trẻ, sức bật của cảm hứng nghệ thuật và tư tưởng các bài thơ làm nên độ chín và sức hấp dẫn của tập thơ lại là ở cái kiểu chiêm nghiệm. Một cách lật lại tín hiệu: “Gần mực thì đen/ Gần đèn thì rạng” bằng cách viết thêm: Mực để trước đèn/ Mực sáng? Hay đèn đen?” [18].

Chúng ta thấy ở ông có sự nỗ lực đổi mới thơ cho phù hợp với cuộc đời đa sự, con người đa đoan. Ở tập thơ xuất bản gần đây nhất (*Chân trời sau chân trời*), Vũ Quần Phương có sự thay đổi không chỉ ở hình thức ngắn gọn, sắc nhọn của câu thơ hoặc phóng túng về vần điệu mà ở cách cảm nhận về cuộc sống hôm nay. Mỗi một bài thơ như một chứng tích, một đề xuất, một giải pháp. Người ta thấy ở tác giả cao niên này như đang có một dự định khởi hành, một hướng tìm bờ bến mới mang phẩm chất “con người” rộng hơn, bao quát hơn. Với những khái niệm “công dân hành tinh”, với những lo âu hội nhập và với những hy vọng của truyền thống, mỗi hiện tượng ngày hôm nay



như đánh thức kí ức sống của đời người. Nhưng cảm xúc nào cũng có tích chứa chiêm nghiệm của suy tư, thắng bại của tâm hồn.

Nhìn lại hành trình sáng tạo của Vũ Quần Phương, có nhiều bài viết mỗi khi tác phẩm ra đời. Tuy nhiên, theo chúng tôi biết vẫn chưa có những công trình nghiên cứu nào chuyên sâu về phong cách nghệ thuật thơ ông. Trong luận văn này, chúng tôi kế thừa những kết quả nghiên cứu của những người đi trước để đi sâu tìm hiểu phong cách nghệ thuật thơ Vũ Quần Phương.

### **3. Nhiệm vụ của luận văn**

Luận văn khảo sát đặc điểm phong cách thơ Vũ Quần Phương, làm nổi bật được nét tinh tế, tài hoa trong cảm nhận về cuộc sống, con người và những đặc sắc nghệ thuật biểu hiện của thơ ông. Trong quá trình phân tích, chúng tôi so sánh đối chiếu thơ Vũ Quần Phương với các nhà thơ trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ như Nguyễn Duy, Xuân Quỳnh, Thanh Thảo, Phạm Tiến Duật, Bằng Việt, Nguyễn Khoa Điềm, ... để thấy được những nét riêng và những điểm tương đồng giữa phong cách thơ ông với các nhà thơ trẻ đương thời.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Về việc tìm hiểu phong cách nghệ thuật thơ Vũ Quần Phương, chúng tôi sẽ đi khảo sát trên diện rộng bao gồm nội dung và hình thức nghệ thuật ở các sáng tác thơ của tác giả Vũ Quần Phương.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Trong luận văn này chúng tôi tiến hành khảo sát các tập thơ của Vũ Quần Phương được sáng tác từ năm 1962 đến nay, cụ thể là 10 tập thơ:

- *Âm thanh im lặng* (1968)
- *Hoa trong cây* (1977)
- *Những điều cùng đến* (1983)

- *Cát sáng* (in chung với Bằng Việt, 1985)
- *Vàng trắng trong xe bò* (1988)
- *Vết thời gian* (1996)
- *Quên chữ, quên câu* (2000)
- *Giấy mệnh mộng trắng* (2003)
- *Chỗ ấy, sóng* (2005)
- *Chân trời sau chân trời* (2011)

Ngoài ra chúng tôi khảo sát các bài phát biểu, trả lời phỏng vấn của nhà thơ có liên quan đến đề tài.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Trong khi thực hiện đề tài, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây:

### **5.1. Phương pháp thống kê - phân loại**

Chúng tôi sử dụng phương pháp này khi khảo sát thống kê - phân loại nguồn tài liệu theo từng vấn đề cụ thể nhất là những dữ kiện lặp lại, ổn định nhằm làm nổi bật phong cách nghệ thuật thơ Vũ Quần Phương.

### **5.2. Phương pháp so sánh - đối chiếu**

Phương pháp này được chúng tôi sử dụng khi tiến hành so sánh các sáng tác của Vũ Quần Phương với sáng tác của các nhà thơ khác cùng thời nhằm làm sáng tỏ những khía cạnh độc đáo, đặc sắc ở thơ Vũ Quần Phương.

### **5.3. Phương pháp phân tích - tổng hợp**

Cuối cùng, cái nhìn phân tích - tổng hợp sẽ giúp cho các kết luận mà chúng tôi rút ra không bị phiến diện, không bị tách khỏi những thực thể trữ tình toàn vẹn và sống động của nó.

Ngoài các phương pháp cơ bản trên, luận văn còn vận dụng một số phương pháp khác bổ trợ như: phương pháp hệ thống, phương pháp lịch sử,...



## 6. Đóng góp mới của luận văn

Từ những ý kiến tản mạn và gián tiếp gợi ý của những người đi trước, Luận văn phát hiện thêm và đi sâu phân tích, xây dựng một hệ thống luận điểm chứng minh, bảo vệ và khẳng định cảm thức trữ tình mang màu sắc triết lí như một đặc trưng phong cách thơ Vũ Quần Phương. Đây là cái mới và cũng là đóng góp của luận văn này.

## 7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận* và *Tài liệu tham khảo*, phần *Nội dung* luận văn triển khai thành 3 chương:

**Chương 1:** Khái quát về Phong cách nghệ thuật và hành trình sáng tạo thơ Vũ Quần Phương

**Chương 2:** Cảm thức trữ tình mang tính triết lí – đặc trưng phong cách thơ Vũ Quần Phương

**Chương 3:** Đặc trưng thi pháp thơ Vũ Quần Phương

## PHẦN NỘI DUNG

### Chương 1

## KHÁI QUÁT VỀ PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO CỦA VŨ QUÀN PHƯƠNG

### 1.1. Khái niệm phong cách tác giả

#### 1.1.1. Khái niệm về phong cách

Trong đời sống, phong cách được hiểu như những nét riêng, độc đáo của một người nào đó trong hành vi ứng xử, trong công việc (phong cách sống, phong cách làm việc,...).

Khi nghiên cứu ngôn ngữ trong khả năng thể hiện, đáp ứng yêu cầu giao tiếp khác nhau, các nhà ngôn ngữ học phân biệt các phong cách chức năng ngôn ngữ: phong cách ngôn ngữ hành chính, phong cách ngôn ngữ báo chí, phong cách ngôn ngữ nghệ thuật,...

Trong văn học, “phong cách là khái niệm dùng để nhận diện một tác giả, một tác phẩm, một trào lưu hay một khuynh hướng nhất định” [190, 24]. Có nhiều khuynh hướng nghiên cứu phong cách: nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản, nghiên cứu phong cách tác giả, phong cách tác phẩm, phong cách tác giả - tác phẩm... phổ biến nhất là nghiên cứu phong cách nhà văn (phong cách tác giả). Với mỗi tác giả lại có thể vận dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau: nghiên cứu trực tiếp qua thế giới hình tượng nghệ thuật của tác phẩm, nghiên cứu gián tiếp qua tiểu sử, hoàn cảnh sáng tác,...

Theo *Từ điển tiếng Việt*, “Phong cách là những đặc điểm có tính chất hệ thống về tư tưởng nghệ thuật, biểu hiện trong sáng tác của một nghệ sĩ hay trong các sáng tác nói chung thuộc cùng một thể loại (nói tổng quát). Phong cách của một nhà văn, phong cách nghệ thuật” [66].

Trong cuốn *150 thuật ngữ văn học* có định nghĩa: Phong cách trong văn học là “những nét chung, tương đối bền vững của hệ thống hình tượng, của các phương thức biểu hiện nghệ thuật, tiêu biểu cho bản sắc sáng tạo của một nhà văn, một tác phẩm, một khuynh hướng văn học, một nền văn học dân tộc nào đó”. Trong đó, tác giả nhấn mạnh đến đặc trưng của phong cách như là “chính thể thẩm mỹ của hình thức có tính nội dung, là sự thống nhất hệ thống của những nguyên tắc thẩm mỹ chung và những thành tố hình thức hoặc mang tải phong cách”.

Theo cuốn *Từ điển thuật ngữ văn học* của Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi định nghĩa: “Phong cách nghệ thuật là một phạm trù thẩm mỹ, chỉ sự thống nhất tương đối ổn định của hệ thống hình tượng, của các phương tiện biểu hiện nghệ thuật, nói lên cái nhìn độc đáo trong sáng tác của một nhà văn, trong tác phẩm riêng lẻ, trào lưu văn học hay văn học dân tộc ... Trong nghĩa rộng, phong cách là nguyên tắc xuyên suốt trong việc xây dựng hình thức nghệ thuật, đem lại cho tác phẩm một tính chỉnh thể có thể cảm nhận được, một giọng điệu và một sắc thái thống nhất”[64,24]. Các tác giả nhấn mạnh: “Không phải bất kì nhà văn nào cũng có phong cách. Chỉ những nhà văn có tài năng, có bản lĩnh mới có được phong cách riêng độc đáo”.

Trong *Từ điển tiếng Việt* (bộ mới), phong cách được hiểu là “khái niệm chỉ những nét chung, tương đối bền vững của hệ thống hình tượng, của các phương thức biểu hiện nghệ thuật, tiêu biểu cho bản sắc sáng tạo của một nhà văn, một tác phẩm, một khuynh hướng văn học dân tộc nào đó”.

## **1.2. Phong cách tác giả**

Trong các cấp độ của phong cách, phong cách tác giả là phạm trù được thừa nhận phổ biến và cũng được áp dụng rộng rãi nhất. Các quan điểm văn học xưa nay (văn là người, phong cách là con người ...) đều lấy phong cách tác giả làm yếu tố trung tâm để xem xét.

Theo M.B. Khrápchencô, cá tính sáng tạo đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành các phong cách cá nhân. Trong những năm đầu thế kỉ XX, một số nhà lí luận văn học còn đồng nhất hai khái niệm phong cách cá nhân và cá tính sáng tạo, do đó phủ nhận sự tồn tại của phong cách tác giả. Vonflin, Handenstein, ngay cả A.N.Xôcôlôp và G.N. Pôxpêlôp cũng cho rằng phong cách cá nhân chỉ là những yếu tố cá biệt, ít có ý nghĩa xã hội. Nếu một tác giả có thể có nhiều phong cách thì không thể coi phong cách cá nhân là một cấp độ quan trọng của phong cách văn học. Tuy nhiên, đó chỉ là một vài ý kiến cá biệt. Nếu như không thể không tính đến phong cách tác phẩm với ý nghĩa là yếu tố trung tâm của phong cách học thì cũng không thể bỏ qua phong cách cá nhân với ý nghĩa là biểu hiện cụ thể của phong cách trào lưu, phong cách thời đại... Thật khó có thể nói đến một thời đại văn chương nếu như thời đại đó không sản sinh ra những cá nhân xuất sắc.

Không nên đồng nhất hai khái niệm phong cách và cá tính sáng tạo. Mỗi nhà văn khi sáng tác ít nhiều đều có cá tính sáng tạo, tức có đặc điểm riêng về sáng tác nhưng không phải cá tính nào cũng trở thành phong cách. Người ta chỉ đề cập đến phong cách sáng tác của những nhà văn ưu tú, trong tác phẩm có những điểm độc đáo, riêng biệt, có giá trị thẩm mĩ cao và nhất quán trong cả quá trình sáng tạo của nhà văn.

Phong cách tác giả được thể hiện chủ yếu thông qua tác phẩm. Biểu hiện của phong cách tác giả trong tác phẩm không chỉ là những nội dung đặc sắc, độc đáo, giàu tính thẩm mĩ mà còn là cách thức nhà văn thực hiện nhằm mang đến một hiệu quả biểu đạt cao nhất. Đó cũng không chỉ là những yếu tố hình thức riêng lẻ (cho dù chúng có mới lạ đến đâu) mà còn là sự phối hợp, thống nhất giữa các yếu tố này theo những quy luật thẩm mĩ nhất định.

Một vấn đề khác cũng được lưu ý, đó là nghiên cứu phong cách của nhà văn này trong tương quan so sánh với các nhà văn khác cùng thời, cùng thế

hệ, mở rộng ra là so sánh với các nhà văn xuất hiện ở giai đoạn trước và sau (thậm chí có thể so sánh hình thức biểu đạt của nhà văn với ca dao dân ca, thơ trung đại...), từ đó có thể rút ra những kết luận giàu sức thuyết phục.

## **1.2. Hành trình sáng tạo Vũ Quần Phương**

### **1.2.1. Khái quát tiêu sử và sự nghiệp**

Vũ Quần Phương tên thật là Vũ Ngọc Chúc. Ông sinh ngày 8 tháng 9 năm 1940 tại Hà Nội. Các bút danh khác: Ngọc Vũ, Phương Viêt. Quê cụ thân sinh của ông ở tổng Quần Phương (nay là xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Thân mẫu của ông quê ở xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Tên Quần Phương, thân tha phương

Tôi lấy tên quê làm độ đường

Sáu tuổi tiễn cha về với đất

Năm mộ ven đường hóa cổ hương

Ông sinh ra trong một gia đình luôn lấy sự học làm trọng. Mẹ ông là giáo viên còn bố ông là công chức địa chính thời Pháp.

Vì “Sáu tuổi tiễn cha về với đất” mà 10 tuổi đã phải xa nhà trọ học và mẹ ông cũng ra đi ở tuổi chưa đến cỗi nên Vũ Quần Phương luôn khao khát tình cảm gia đình. Vũ Quần Phương luôn cố gắng vươn lên trong mọi hoàn cảnh và giành được những kết quả đáng khâm phục. Bằng chứng là ông học rất giỏi: tốt nghiệp phổ thông được hội đồng thi khen; đến khi học Đại học Y khoa Hà Nội, cả 6 năm liền ông đều được nhận học bổng toàn phần; năm 1965, ông tốt nghiệp Đại học Y khoa loại xuất sắc; ông là người duy nhất (trong hơn 300 bác sĩ của khóa học) được điều về làm việc ở Bộ Y tế... Nhưng bác sĩ Vũ Quần Phương lúc bấy giờ đã không theo nghề y (cái nghề mà lúc đấy và cả bây giờ luôn được trọng vọng với câu “Nhất Y, nhì Dược...” và là nghề mà thân mẫu của ông đã định hướng và mong muốn ông theo) mà

chuyển hẳn sang nghề văn chương (cái nghề mà “com áo không đùa với khách thơ”) theo lời gợi ý của bậc đàn anh trong giới văn nghệ sĩ – Chế Lan Viên. Và sự chuyển hướng táo bạo này là một bước ngoặt lớn trong cuộc đời của ông.

Sau khi từ phòng mạch chuyển sang nghề văn, nơi đầu tiên ông làm việc là Đài tiếng nói Việt Nam. Tại đây ông làm công việc Biên tập viên của phòng văn học.

Năm 1984, ông đến công tác tại Nhà xuất bản Văn học.

Năm 1991, ông lại đến làm việc ở Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Hà Nội và giữ cương vị chủ tịch Hội.

Ngoài ra, Vũ Quần Phương còn là Đại biểu Quốc hội khóa IX (1992-1997), Phó tổng biên tập Tạp chí văn chương Việt Nam, Phó giám đốc Trung tâm bồi dưỡng viết văn Nguyễn Du của Hội Nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Thơ - Hội Nhà văn Việt Nam.

Vũ Quần Phương là một cây bút đa tài và có học thức uyên thâm. Ông không chỉ là một nhà thơ có tên tuổi mà còn là một nhà phê bình văn học có uy tín. Ngoài ra, ông còn viết văn xuôi và dịch thuật... Lĩnh vực nào ông cũng để lại những dấu ấn riêng, đặc sắc.

Về thơ, hơn 40 năm cầm bút ông đã cho ra đời các tập thơ:

- *Âm thanh im lặng* (1968)
- *Hoa trong cây* (1977)
- *Những điều cùng đến* (1983)
- *Cát sáng* (in chung với Bằng Việt - 1985)
- *Vàng trắng trong xe bò* (1988)
- *Vết thời gian* (1996)
- *Quên chữ, quên câu* (2000)
- *Giấy mệnh mông trắng* (2003)

- *Chỗ ấy, sóng* (2005)
- *Chân trời sau chân trời* (2011)
- Về văn :
  - *Cưỡi ngựa máy xem Hoa Kỳ* (2005)
- Về phê bình văn học
  - *Thơ với lời bình* (1988)
  - *Đọc thơ Hương tích* (1997)
  - *30 tác giả văn chương* (2009)

Một thành tích đặc biệt nữa cần phải kể đến về Vũ Quần Phương là ông có tới hơn 2000 cuộc nói chuyện thơ và là một diễn giả quen thuộc trên các buổi trao đổi, nói chuyện về văn thơ.

### **1.2.2. Cái tôi trữ tình và hành trình sáng tạo**

Vũ Quần Phương xuất hiện cùng thời với các nhà thơ chống Mỹ. Vốn xuất phát điểm là sinh viên Y khoa nhưng lại bộc lộ năng khiếu văn chương như một phẩm chất thiên bẩm. Trong quá trình chuyển đổi “nghề” đã minh chứng một tài năng thơ văn đi đúng hướng và Vũ Quần Phương đã tạo cho mình một dấu ấn, phong cách riêng. Ngay từ những thi phẩm đầu tay như *Phăng-xi-păng ta tới đỉnh*, *Khói bếp* được tuyển in trong tập *Sức mới* - một tuyển tập thơ có tên tuổi được Nhà xuất bản Văn học xuất bản từ năm 1965 đến nay. Ta có thể chia hành trình sáng tạo của Vũ Quần Phương thành hai thời kì: Trước thời kì Đổi mới (1986) và từ năm 1986 đến nay.

#### **1.2.2.1. Trước thời kì đổi mới**

Hành trình sáng tạo của Vũ Quần Phương mang dấu ấn rõ rệt của cái tôi trữ tình. Trong giai đoạn này, cũng như các nhà thơ khác đương thời, Vũ Quần Phương cũng viết về chiến tranh với cái tôi trữ tình sử thi, cái tôi trữ tình công dân. Cái tôi công dân thể hiện rõ nét trong các bài thơ viết về tổ quốc như: *Phăng-xi-păng ta lên đến đỉnh*, *Trước bản đồ Tổ quốc*, *Xóm Mũi*,

*Cà Mau, Tổ quốc ta hiền hòa, Hoa Phượng, Dựng nhà trên dãy Hoàng Liên, ... Chẳng hạn:*

Phút kì diệu bay lên ta ngậy nhìn Tổ quốc  
Nắng bên kia cuộn cuộn nước sông Đà  
Ta muốn hát vang lên trên đỉnh hồn đất nước  
Trên chót đỉnh ba ngàn ta lại muốn bay xa  
(*Phăng-xi-păng ta lên đến đỉnh*)

Hay

Tôi muốn đặt hai tay lên bản đồ Tổ quốc  
Để được nghe cái hơi ẩm phập phồng của đất  
Từ đỉnh rừng Lũng Cú đến tận chót Cà Mau

...

Hà Nội đêm nay triệu ngôi sao quần tụ  
Trời sao này cũng mọc ở Cà Mau  
Cứ nghĩ thế đã thấy tràn hạnh phúc,  
Cái hạnh phúc sao bao ngày đêm khao khát  
Sao lúc này nước mắt cứ rung rung  
(*Trước bản đồ Tổ quốc*)

Ông luôn thường trực lòng yêu tổ quốc, trong thơ ông cũng luôn hiện hữu những nỗi nhớ, băng khuâng, trăn trở về đất nước, về đồng đội:

Mùa này rừng đã đổ mưa  
Anh em trạm ấy bây giờ ở đâu  
Võng đưa trên tám tầng lầu  
Băng khuâng nhớ góc rừng sâu giữa rừng,  
Nhớ lương khô, nhớ chè gừng  
Nhớ đêm phá đá mở từng bước đi  
Chối lòng nỗi nhớ ngoài kia



Cần đôi hạt muối cũng vì đêm nay

(*Đêm đầu tiên vào Sài Gòn ngủ võng*)

Nhưng cũng ở ngay thời kì đầu này, trong thơ ông chất thể sự đã có khuynh hướng rõ nét. Đó là khát vọng hòa bình và những nghĩ suy tư về chiến tranh ở những khoảng lặng của chiến trường. Các bài thơ như: *Sau giờ trực chiến*, *Lúc cỏ đang mùa xuân*, *Chiều*,... Bên cạnh đó, có một mảng thơ viết về những con người lao động ở tất cả các ngành nghề góp phần dựng xây tổ quốc. Các bài thơ: *Những người sơn Cầu*, *Làng gốm Thổ Hà*, *Chuyện ngoài máng vệt*, *Nắng trưa đồng muối*, ... Ông viết về những người lao động bằng sự thấu hiểu những vất vả của họ và lòng biết ơn sâu sắc. Nói đến nghề làm muối thì ông cảm nhận:

Nghe mặn mòi ngấm vào thịt da

Nói đến người trông cỏ là thấy:

Lặng lẽ màu xanh nói với trời

Nói đến một nghề mà ít ai quan tâm như nghề chăn vịt, cái tôi trữ tình của ông cũng có những sự suy ngẫm thú vị:

Lặng im để suốt đêm trường

Kẻ con vịt cũng phi thường chứ anh?

...

Ở đề tài nào, cái tôi trữ tình trong thơ Vũ Quần Phương cũng thể hiện rõ phẩm chất trí tuệ của một lớp thanh niên có học thức. Tuy nhiên, cái tôi trữ tình nổi bật nhất trong thơ ông vẫn mang chất sử thi, chất công dân.

#### 1.2.2.2 Từ năm 1986 đến nay

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) như một cái mốc quan trọng đánh dấu sự đổi mới của đất nước trên nhiều phương diện. Nó đã thổi một luồng sinh khí mới vào đời sống tinh thần xã hội lúc bấy giờ. Nếu độc lập tự do là khát vọng lớn nhất của giai đoạn lịch sử 1945 – 1975 thì dân chủ lại là

nhu cầu bức thiết nhất của con người Việt Nam giai đoạn 1980 -1990. Tinh thần đổi mới của Đại hội Đảng lần VI là tiền đề quan trọng cho sự đổi mới văn học nghệ thuật. Thơ trữ tình cũng không nằm chệch hướng trong dòng chảy chung đó và nó góp phần phản ánh, suy ngẫm về các vấn đề xã hội đặc biệt là vấn đề tồn tại của mỗi cá nhân và mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội hiện đại.

Vũ Quần Phương cũng có những sự chuyển biến rõ nét trong các sáng tác của mình. Cái tôi trữ tình trong thơ ông in đậm chất thể sự mang màu sắc triết lí. Đầu tiên có thể kể đến sự chuyển hướng của đề tài ngay ở tập thơ *Vàng trắng trong xe bò* (1988). Đó là những suy ngẫm về cả hai phía hiện thực cuộc sống và sự hữu hạn mong manh của kiếp người trong dòng chảy của thời gian (*Con thuyền vượt thác, Gửi T, Cửa 1968, Lịch em không xé, Đợi,...*). Ở giai đoạn này thơ Vũ Quần Phương hay trăn trở về thời gian. Không phải là mong muốn níu giữ thời gian như Xuân Diệu, Vũ Quần Phương làm những điều cụ thể và quyết liệt hơn. Ông muốn câu thơ của mình hóa thành sợi dây bền chắc, kéo con thuyền cuộc sống ngược về bến bờ thời gian trong một chiều sâu triết lí:

Câu thơ viết trong đời  
Có bền như nút chặc  
Kéo con thuyền vượt thác  
Vượt qua bờ thời gian

(*Con thuyền vượt thác*)

Cái tôi trữ tình về thời gian trở đi trở lại nhiều lần trong thơ ông như một ám ảnh nghệ thuật cũng như trong tâm thức của thi sĩ hay nghĩ ngợi, suy tư như Vũ Quần Phương. Biểu hiện rõ nhất trong tập thơ *Vết thời gian* (1996):

Ngày trôi mau, mùa trôi mau  
Sao vết thời gian cứ nhói đau

(*Nhật kí*)

Có lẽ lúc này khi đã ở cái tuổi “Đến tuổi nhìn lại hơn là nhìn tới” vì thế ông thường thể hiện trong “tiếng nói tâm hồn” những suy ngẫm, trăn trở về cuộc đời, về thời gian, khi thì là sự bàng hoàng, thảng thốt trong *Tiếng gọi* lúc nhìn lại đời người thật hữu hạn trong thời gian vô hạn:

Đời cứ mệnh mông như thế thôi  
 Càng đi càng khát những chân trời  
 Mây bay trắng mãi bờ vô tận  
 Ngẩn ngui bao nhiêu một kiếp người  
 (*Tiếng gọi*)

Hay có khi là một nỗi niềm đau đáu “Có phải hương **thời gian** ướp trên trang giấy cũ”, có khi “Người giữ gìn kí ức/ Quên **thời gian** đang trôi” (*Người thuyết minh bảo tàng giữa rừng*), hoặc có khi lại “Nhịp đập trái tim người/ Khác biệt/ Qua từng giây **thời gian**”. Đôi lúc ông lại bồn chồn, lo lắng “Một nỗi gì/ Buồn hơn cả nỗi buồn, xa hơn cả gốc rễ/ Thoảng như hơi thở nhẹ/ Làm mình ngời lạng lẽ/ **Thời gian**” (*Thời gian*).

Cái tôi trữ tình của ông không chỉ dừng lại ở những trăn trở về thời gian mà còn thấm đượm nỗi buồn, hoài niệm bằng một giọng thơ sâu lắng và thiên về những triết lí, chiêm nghiệm qua những gì thi sĩ đã trải qua mà đúc rút lại:

Đời người như hạt  
 Gieo trên rãnh cày  
 Lặn trong đất lại trời lên xanh tốt  
 Cây như hồn cha ông dào dạt  
 Thanh khiết ngọn gió mai  
 Bờ tre sẫm những ngọn đèn xóm mạc  
 Người thành hương đất đai  
 (*Cánh đồng lúc tỉnh mơ*)

Trong thời kì này, đề tài trong thơ Vũ Quần Phương đa dạng hơn và cũng đời thường hơn. Ông tiếp tục dành những trang viết về những người thân của mình. Đó là sự trân trọng và biết ơn sâu sắc người bạn đời của mình (*Gửi các con, Áo cho con,...*) hay đó là nỗi nhớ nhung cùng với niềm tự hào dành cho những đứa con thân yêu đi học xa nhà (*Nhớ con, Thăm con, Trường con,...*) và là những dòng thơ chứa chan tình cảm dành cho những đứa cháu đáng yêu của mình (*Cháu Tểu hát khoe, Với thằng cu Tuệ, Cu Tuệ, Ông cháu, Nghe cháu hát,...*). Cái Tôi trữ tình thao thiết khi viết về gia đình, về người thân của Vũ Quần Phương thật giản dị mà làm lay động lòng người.

Không chỉ nghĩ về người, về đời, cái tôi trữ tình trong thơ Vũ Quần Phương thời kì này còn hướng về bản thể, ý thức về bản thể. Nhà thơ cảm nhận về mình:

Trong sương mình lạ cả mình  
Cái tâm hư ảo, cái hình phù du  
Con người đi giữa thiên thu  
Hạt sương bay giữa mịt mù dậm khơi  
...  
Giật mình tôi trở về tôi  
(*Thăng sương mù*)

Với tâm hồn nhạy cảm, đôi khi ý thức về bản thể của ông như một dự cảm:

Trời tối dần ngoài cửa sổ  
Tôi cũng chìm dần trong bóng tối  
Người như lùn xuống, thân thu lại  
Hạt bụi nằm thương nhớ xa xôi  
(*Trời tối dần*)

Càng về sau, thơ ông càng có nhiều những dòng tâm trạng lắng đọng, suy ngẫm về bản thân mình. Cùng với nội dung đó, hình thức các bài thơ cũng càng trở nên ngắn gọn, cô đọng hơn với giọng điệu trầm lắng hơn. Nó phù hợp với cái tạng thơ của ông: thiên về nội tâm, trầm tĩnh và sâu lắng. Ông gửi gắm những tâm tư vào những dòng thơ:

Ước mình là cây kết quả

Lặng im mà chín đầy cành

*(Hồn nhiên)*

Nhà thơ nghĩ ngợi về bản thân mình, tâm hồn mình. Nếu thân lạc giữa đời, thân tha phương thì vẫn tìm thấy hướng đi nhưng hồn tha phương thì ông thật sự bối rối:

Ta lạc vào ta cái miền đất thăm

Ngỡ như gần gần mà thật xa xôi

*(Chùa làng)*

Có đôi khi ông thương thân phận mình, không biết mình sẽ “đi về đâu”:

Sóng lặn xuống cửa sông

Sóng đi về với bể

Tôi lặn xuống lòng mình

Tôi đi về đâu

*(Cửa biển, quê nhà)*

Thơ là tiếng nói của tâm hồn, là âm thanh của cuộc sống và sự lên tiếng của số phận. Xu hướng trong thơ từ những năm 1980 là hướng vào đời sống thế sự và trở về với cái tôi cá nhân. Khi hướng ngòi bút vào đời sống thế sự và chiêm nghiệm nhân sinh, “phần lớn các nhà thơ đều đã mất đi cái cảm giác bình yên mà thay vào đây là nỗi lo âu, nỗi buồn nhân thế” (Nguyễn Văn Long). Mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân và xã hội trong hoàn cảnh mới đã thay đổi rất nhiều so với thời chiến tranh. Khi ý thức

cá nhân trở dậy mạnh mẽ thì các mối quan hệ cộng đồng trở nên lỏng lẻo hơn. Vì thế, cô đơn dường như trở thành cảm giác thường trực trong thơ. Đối với nhiều nhà thơ, chặng đường từ sau năm 1975 là hành trình tìm lại chính mình, nhà thơ hiện ra như “người tìm mặt” (theo cách nói của Hoàng Hưng). Nếu như Chế Lan Viên trở lại với câu hỏi trước Cách mạng Tháng Tám “Ta là ai?”, Nguyễn Duy mượn chuyện “Cơm bụi” để bày tỏ quan niệm của mình:

Đừng chê anh khoái bụi đời  
Bụi dân sinh ấy, bụi người đó em  
Xin nghe anh nói cực nghiêm  
Linh hồn cát bụi ở miền trong veo

*(Cơm bụi ca)*

Còn Xuân Quỳnh cũng bộc lộ nỗi lo âu về những đổi thay của đời người và lòng người:

Tình yêu mỏng mảnh như làn khói  
Ai biết tình ai có đổi thay

*(Hoa cỏ may)*

Vũ Quần Phương cũng không nằm ngoài quy luật tâm lí đó. Những suy tư, triết lí của ông về cá nhân, về sự tồn tại của cá nhân vừa mang những điểm chung vừa có những sắc thái tạo nên dấu ấn, phong cách riêng của ông. Ông nói về cái tôi của mình một cách da diết, mãnh liệt và ý thức về bản thân sâu sắc. Ông đã để lại những câu thơ có thể làm người đọc giật mình. Cái giật mình ấy âu cũng là “nỗi thương mình xót xa” vậy.

Cái tôi trữ tình trong thơ Vũ Quần Phương thời kì từ 1986 đến nay đã thể hiện sự suy ngẫm về cuộc đời ở tất cả các lĩnh vực. Ông đã thể hiện cái nhìn thấu đáo, những kinh nghiệm sống, những suy ngẫm về đời được đúc rút vào từng trang thơ.

### 1.3. Quan niệm nghệ thuật

1.3.1 Quan niệm nghệ thuật chính là yếu tố quán xuyên chi phối trực tiếp sáng tác của người nghệ sĩ. Quan niệm nghệ thuật được hiểu là “nguyên tắc cắt nghĩa thế giới và con người vốn có của hình thức nghệ thuật, đảm bảo cho nó thể hiện đời sống ở một chiều sâu nào đó” [Tr.237, 67].

Qua những sáng tác cụ thể và qua những buổi tiếp xúc, trò chuyện trực tiếp với nhà thơ Vũ Quần Phương, chúng tôi nhận thấy ông là một người có học vấn và hiểu biết văn hóa sâu rộng và nó được kí thác vào trong thơ của mình những chiêm nghiệm, suy tư về cuộc đời. Nhà thơ quan niệm rất rõ ràng “Thơ là những kinh nghiệm sống, nó vừa là sự phản ánh, vừa là khám phá, nhận thức về cuộc đời”. Rất nhiều người từng quan niệm “thơ là tiếng nói của tình cảm”, là sự rung động trong tâm hồn con người, Vũ Quần Phương lại quan niệm: “Thơ là tiếng nói của tình cảm. Đúng nhưng chưa đủ. Theo tôi, thơ còn là kinh nghiệm sống, là sự biểu hiện chính thời đại mà nhà thơ đang sống. Có những vấn đề thơ giải quyết tốt hơn pháp luật.”

Tất nhiên, Vũ Quần Phương thừa hiểu rằng yếu tố cảm xúc trong thơ quan trọng như thế nào. Nhà thơ cho rằng, để một bài thơ đi vào lòng người thì không thể thiếu yếu tố cảm xúc. Đó là yếu tố tiên quyết cho một bài thơ hay: “Cảm hứng là chỗ bắt đầu cho bài thơ, bắt đầu cho tình cảm và cũng bắt đầu cho nhận thức. Cảm hứng tạo nên phần hư ảo cho bài thơ. Hai bài thơ có nội dung như nhau nhưng hay, dở khác nhau là ở tình cảm, cảm xúc”.

Thơ trước hết là sự thăng hoa của trái tim, tinh thần, cảm xúc vì thế nếu thiếu đi cảm xúc thì thơ chỉ là những con chữ vô hồn, khô khan. Từ quan niệm này, Vũ Quần Phương đã hình thành một lối thơ giàu cảm thức để chiếm lĩnh những giá trị tinh thần của cuộc sống và con người. Người đọc yêu thơ biết nhiều đến hình ảnh cô gái *Áo đỏ* đã thiêu đốt lòng người bằng một cảm xúc chân thành và mãnh liệt:

Áo đỏ em đi giữa phố đông  
Cây xanh như cũng ánh lên hồng  
Em đi lửa cháy trong bao mắt  
Anh đứng thành tro em biết không?

*(Áo đỏ)*

Có lẽ vẫn còn chưa đủ, nhà thơ dường như còn yêu cầu một cái gì đó cao hơn, “chuyên nghiệp” hơn ở một “nhà thơ”. Đó là cách biểu đạt. Theo ông, “tính chuyên nghiệp của thơ chính là chỗ thơ phải nói bằng tứ”. Nhà văn, nhà thơ phản ánh cuộc sống thực qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ, và thơ muốn có sức sống trong lòng độc giả thì cần phải có tứ thơ. Tứ thơ được sinh ra từ cách nhìn, cách cảm và cách viết của thi sĩ nên việc kiếm tứ cho thơ là một việc không hề đơn giản và nó đòi hỏi ở người nghệ sĩ một tư duy, một năng lực riêng. Một tứ thơ bao giờ cũng phải là hình tượng có tìm tòi, sáng tạo, thể hiện ý trọn vẹn. Tứ thơ gợi lên những hình tượng thẩm mỹ làm xúc động lòng người, giúp độc giả có những sự liên tưởng rộng rãi, có giá trị nhân văn cao. Hơn thế nữa, tứ thơ cũng là một trong những điều kiện làm cho thơ có sức sống lâu bền và cũng xuất phát từ tứ thơ mà tính trí tuệ của thơ mới được phát lộ. Với Vũ Quần Phương, thơ không thể hiện trực tiếp qua lời thơ mà phải nói bằng tứ thơ mới tạo nên sức khái quát và độ lắng đọng thâm trầm. Nhẹ nhàng mà thâm thúy, sâu sắc và trầm tĩnh. Có nhiều tứ thơ trong thơ ông đã làm cho độc giả phải suy ngẫm và thấm thía. Hình ảnh những bậc sinh thành ở mỗi chúng ta vất vả, tảo tần hôm sớm trên cánh đồng đơn sơ giản dị:

Bóng mẹ đứng trong ráng chiều đập đất  
Bóng cha cày trong mỗi hạt cơm ăn

*(Những câu thơ trong đêm)*



Hay trong một đề tài muôn thừa của thi ca, quen thuộc nhưng không bao giờ xưa cũ với nhân loại - đề tài tình yêu. Và sự chờ đợi trong tình yêu là một khía cạnh mà có bao ý kiến khác nhau, chờ đợi là hạnh phúc hay là bi kịch? Có lẽ nên nhìn thẳng vào sự thật, chờ đợi nó vẫn thường là bi kịch, là nỗi đau, nhất là trong sự vắn xoay của cuộc sống bây giờ. Con người, cảnh vật trở nên gần gũi hay xa lạ với nhau đôi khi chỉ trong khoảnh khắc mà có khi là trong cả cuộc đời.

Đứng một ngày đất lạ thành quen

Đứng một đời em quen thành lạ

(*Đợi*)

Tình yêu nếu đem hoa kết trái thì nó là những quả ngọt pha lẫn chút dư vị đắng chát nhưng nếu không kết trái thì nó thật sự là quả đắng, thậm chí là nỗi đau, là bi kịch của sự phũ phàng, vô tình như sự trôi chảy của thời gian, sự xoay vần của con tạo và của chính lòng người.

Vũ Quần Phương quan tâm đặc biệt tới mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của thơ. Thi sĩ quan niệm, để thơ ở lại với người đọc thì cần một “hình thức giản dị, một nội dung sâu sắc”. Và ở đó, sự sâu sắc trong diện rộng là sức khái quát về chiều sâu, là mức độ cảm xúc.

Theo ông, thơ vừa phải giản dị, chân thành, dễ hiểu nhưng phải là tiếng nói của tình cảm, đồng thời là tiếng nói của trí tuệ: “Thơ là kinh nghiệm sống, là nhận thức trí tuệ nhưng phải được truyền đi bằng kênh cảm xúc”.

1.3.2. Ông còn thể hiện rõ quan niệm về thơ qua những trang viết về nghề thơ, cái nghề mà “Cơm áo không đùa với khách thơ”. Đâu phải vì mưu lợi vật chất cho bản thân mà Vũ Quần Phương dám từ bỏ một vị trí nhiều người mơ ước và ngưỡng vọng trong Bộ Y tế để đến với thơ. Mà chắc hẳn ông đến với thơ bằng sự mẫn cảm và khát vọng muốn làm cho tâm hồn con

người trở nên phong phú và hoàn thiện. Ông yêu thơ có lẽ còn bởi quan niệm thơ là liều thuốc thanh lọc tâm hồn con người:

Giữa dòng chợ búa lao xao  
Câu thơ thấp phận nâng cao hồn người  
(*Phận thơ*)

Phận thơ trong xã hội nào dường như cũng chông chênh cũng như cuộc sống của người làm thơ luôn bấp bênh nhưng ông luôn tin thơ giúp “nâng cao hồn người”. Với ông, thơ còn như một điểm tựa tinh thần, định hướng cho tâm hồn:

Câu thơ như bàn tay  
Dắt tôi qua nhưng con đường máu chảy

Thơ cũng như người, nếu như mỗi người là một tấm gương phản chiếu chính mình thì mỗi bài thơ cũng như một tấm gương mà ta có thể soi vào và thấy mình trong đó:

Giấy biến thành tro  
tro có ích là thúc cây ra quả  
Bài thơ không thành thì thành cái gương con  
cho mình biết mình không hoàn hảo  
(*Bài thơ không thành*)

Có lúc thơ như một phương tiện kí thác:

Sống chưa trả hết nợ tình  
Thì thơ ơi gánh hộ mình về sau.  
(*Hái ở rừng Cúc Phương*)

Ông coi thơ như người bạn tri âm tri kỉ, mong muốn và tin tưởng những câu thơ mang được hồn người và sức sống sinh tồn:

Đời dám yêu thơ thì thơ ơi đừng sợ  
Bút cũng như mầm, chạm đất với sinh sôi.  
(*Thơ tặng Tháp Bút ở Hồ Gươm Hà Nội*)

Phải lấy cảm xúc từ đời thực và viết vì con người. Đó là khi ngòi bút của anh “chạm đất”, chạm vào cuộc đời như hạt mầm gieo xuống đất thì mới có “sinh sôi”. Ông đã khẳng định hướng sáng tạo của thi sĩ là cõi trần gian, là mặt đất và phải hướng ngòi bút xuống đất chứ không phải hướng lên trời. Và hơn nữa, đất trong thơ ông nói còn phải là đất ruộng, nơi mà:

Một năm hạn lũ mấy lần qua.  
 Những người chân lấm mà tay trắng.  
 Quần quật tinh sương đến xé tà.

(*Tìm Thơ*)

Nơi mà: “Bóng mẹ đứng trong ráng chiều đập đất/ Bóng cha cày trong mỗi hạt cơm.”(*Những câu thơ trong đêm*). Đó là mặt đất, nơi con người sinh sống ở đó: trần tục mà thiêng liêng. Nhà văn Nam Cao cũng có quan niệm “Nghệ thuật không cần là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối. Nghệ thuật là tiếng đau đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than”. Và Vũ Quần Phương cũng mong những vần thơ của mình là những gì chân thật nhất từ trong sâu thẳm tâm hồn người, và chân thật trong từng câu chữ:

Em đừng có phẩn son cho từng Câu chữ  
 Em nghe thật hồn mình  
 Thì hồn ta lắng nghe  
 ...  
 Chữ thoát khỏi hình hài mà thành tâm tưởng  
 Thơ thoát chữ ra ngoài thành bóng cây che

(*Ước gì*)

Cao hơn nữa, ông cho rằng, nhà thơ còn có thể thể chấp cả cuộc đời mình cho thơ: “Ta móc cả đời ta xuống làm mồi nhử” mà còn không dám chắc “đâu là con cá thật, đâu là rong rêu” (*Tản mạn ngày tết*). Nhưng có lúc ông lại rất tự tin và thiết tha trong *Tiếng gọi*:

Hỡi ai tim đập trên trang giấy  
Có thấy lòng tôi run xuống câu  
(*Tiếng gọi*)

Trong quan niệm của ông, nhà thơ là người lấy thân mình, lấy trái tim mình mà làm thước đo những giá trị:

Ông nhà thơ là con sâu đo  
lấy thân mình mà đo lịch sử,  
đo kích thước vĩ nhân,  
châu chấu, cào cào, gió trăng, vui khổ  
muốn đo vào tất cả  
đo bằng lời chưa đủ  
thì lấy tim mà cân.  
(*Con sâu đo*)

Hay:

Trang giấy này cũng giống bàn cân  
Tôi cũng cân  
Cái nặng nhẹ của đời  
Cái nặng nhẹ của từng số phận  
Có trang giấy cũ rồi  
Thời gian đã lên rêu  
Trên từng hàng chữ  
Nhưng cái cân, người xưa vùi trong đó  
Vẫn còn cân  
(*Cân*)

Theo ông, người làm thơ là làm nên những giá trị cho tâm hồn. Nó như một điểm tựa tinh thần và là thước đo những giá trị đạo đức, người làm thơ phải có trách nhiệm với ngòi bút của mình, để làm sao nó mang lại những giá trị chân - thiện - mỹ:

Đừng tưởng làm thơ không có tội  
chắc bằng lấm lỗi  
không ai đưa qua sông  
mà người chết đuối

*(Thơ tặng bạn thơ)*

Có thể nói, một đời người gieo trồng những hạt giống tâm hồn, những được mất, vui buồn, trăn trở, ông muốn sẻ chia, trao gửi là một lẽ tự nhiên. Ông đã dành nhiều tâm sức và sự ngẫm ngợi để nói về cuộc sống sáng tạo của các nhà thơ và công việc làm thơ. Tất nhiên, những gì đã nói được và người ta hiểu được cũng chỉ là một phần hạn hữu. Còn rất nhiều những vấn đề cũng như những ý nghĩa về thơ văn mà ông gửi gắm không thể giải bày trong khuôn khổ những trang viết này. Cũng như câu thơ của Đỗ Phủ “Văn chương thiên cổ sự/ Đắc thất thốn tâm tri”, văn chương là chuyện muôn đời, được mất chỉ mình biết.

Có thể thấy, quan niệm về thơ của Vũ Quần Phương vừa có sự kế thừa truyền thống vừa chứa đựng những trăn trở của con người trước nhân tình thế thái - thời mà ông đã và đang sống.

## Chương 2

### CẢM THỨC TRỮ TÌNH MANG TÍNH TRIẾT LÝ - ĐẶC TRƯNG PHONG CÁCH THƠ VŨ QUẦN PHƯƠNG

Như đã nhận xét ở phần *Lịch sử văn đề*, cái ít nhiều khác giữa thơ Vũ Quần Phương so với các nhà thơ khác cùng thời là ông thường ít trực tiếp viết về đề tài, tức là không miêu tả trực tiếp các sự việc, sự kiện, mà thường viết theo một chủ đề tư tưởng. Ý nghĩa triết lý, trữ tình của thơ Vũ Quần Phương nằm ở phần lớn các bài thơ trong sự nghiệp thơ của ông. Trong chương này, để tiện cho việc triển khai luận văn, xin tập trung phân tích ý nghĩa triết lý của thơ Vũ Quần Phương qua các chủ đề sáng tác. Mặc dù chúng tôi cũng đã ý thức được, việc phân tích theo các chủ đề sáng tác cũng là cách phân chia ước lệ để diễn giải trình bày. Trong thực tế, thơ Vũ Quần Phương rất nhiều bài không thể xếp vào một chủ đề rõ ràng nào.

#### 2.1. Chủ đề chiến tranh và thế sự

2.1.1. Viết về chiến tranh, đương thời người ta viết trực tiếp các hiện thực đời sống, nhưng Vũ Quần Phương thường ít nói trực tiếp đến khói lửa đạn bom như nhiều nhà thơ khác, mà ông thường nói về những khoảng lặng của trận chiến, sau loạt súng bắn thù. Để biểu cảm chất sử thi của đời sống trong thơ, ông thường nói đến khát vọng hòa bình, chất thơ nảy sinh từ khát vọng đó.

Ngay từ chùm quả ngọt đầu tay, *Âm thanh im lặng* của Vũ Quần Phương đã được trình làng với một dấu ấn riêng. Không trực tiếp miêu tả những phút xung phong, mịt mù của khói lửa, cũng không phải ông thả hồn phiêu diêu theo trời mây ở trắng gió mà trong thơ ông, ta nhận thấy một phương diện khác của cuộc chiến tranh. Đó là những phút giây “lặng im” của cuộc chiến ác liệt, sau những “loạt súng bắn thù”:

Sau loạt súng bắn thù không gian rất lặng im  
Nghe rõ tiếng chim chuyền trong tiếng nắng  
Gió chạy một mình trên phố vắng  
Hà Nội im lìm như ngủ say

(*Âm thanh im lặng*)

Đó là những phút giây bình lặng, nhưng không phải là bình yên bởi đó chỉ là những khoảng lặng của cuộc chiến, mọi hoạt động có vẻ như yên bình kia chỉ là nhưng “phút giây” ngắn ngủi. Những phút giây em bé “trở giấc”:

Tiếng trẻ nhà ai u ơ trở giấc  
Theo gió đêm về vọng đến đài tôi.

Hay vô tình trong một buổi mai thức dậy, khi trông thấy khói bay choàng mái rạ, lẫn vào sương tỏa lẫn vào cây, ông thấy những hình ảnh bình dị, thân thương và đáng quý xiết bao trong khoảnh khắc sẽ là ngắn ngủi ấy:

Trong khói mẹ cời rơm thổi lửa  
Chim gù trên tổ, bếp com reo  
Em nhỏ học bài trên ngưỡng cửa  
Khói bay ra mờ mịt chân trời

(*Khói bếp*)

Trong bài thơ *Sau giờ trực chiến*, Vũ Quần Phương hướng ánh nhìn đầy lãng mạn đối với người nữ dân quân đồng thời còn là người mẹ dịu hiền, chan chứa tình yêu thương với đứa con thơ yêu dấu của mình:

Trực chiến về mẹ hát con nghe  
Lối ngõ thôn thơm mùi ổi chín  
Sau cơn mưa khí trời ngọt lịm

(*Sau giờ trực chiến*)

Vũ Quần Phương đã không tái hiện những giờ phút căng thẳng của chiến tranh mà đi sâu vào miêu tả cái giờ phút tạm thời thanh bình nhưng rất đời

thiên liêng của cuộc sống. Chính những điều bình dị đó khiến mỗi người tự suy ngẫm để thấy rằng, cuộc sống thật đáng quý, giây phút chúng ta đang sống đáng quý, đáng trân trọng biết nhường nào:

Dầu đang giấc con say  
Phải vào hầm trú ẩn  
Tã, nôi còn dầu lăm  
Bụi đất bom giặc cày  
Thì con ơi hôm nay  
Vẫn là ngày đẹp nhất

*(Nhà hộ sinh)*

Có lẽ điều nhà thơ muốn mang lại cho người đọc trần trở, chiêm nghiệm ấy, không chỉ là việc chúng ta hãy biết trân trọng cuộc sống mà hơn thế, đó chính là tinh thần lạc quan. Dù trong bất cứ hoàn cảnh khốc liệt như thế nào con người vẫn đứng vững, vẫn sinh sôi, vẫn phát triển và tin yêu vào cuộc sống như một nhà văn đã phát biểu “Sự sống nảy sinh từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ những hy sinh gian khổ...”, hay như nhà thơ Chế Lan Viên cũng từng viết: “Những ngày tôi sống đây là những ngày đẹp hơn tất cả”.

Vũ Quần Phương đã ý thức sâu sắc và thấm thía về những mất mát mà chiến tranh gây ra cho con người. Với ông, ngày tan thù chưa hẳn đã là ngày hạnh phúc vì nó vẫn còn đó biết bao những dư âm, những ám ảnh và hậu quả nặng nề không thể lường hết được:

Tiếng gà con chiêm chiếp ở đầu quang  
Bóng các mẹ các em đi giữa làng tàn phá  
Suốt 27 năm ròng giặc già  
Phút tan thù là phút trắng hai tay

*(Ghi ở Thiệu Phong)*



Vũ Quần Phương đã bộc lộ rõ những ưu tư, chiêm nghiệm đến xót xa của mình về hậu quả của chiến tranh:

Chiến trận xa rồi, bom đạn đã tắt  
Mà sao nước mắt mẹ chưa khô?  
Những người yên nghỉ chưa yên nghỉ  
Xương cốt run lên ở đáy mồ.

*(Ở nghĩa trang liệt sĩ Ngọc Hồi)*

Hơn ai hết ông thấu hiểu những nỗi đau về thân xác cũng như về tinh thần mà con người là nạn nhân của chính tội ác con người gây ra cho nhau. Và hơn ai hết, ông là người hiểu và trân trọng những phút yên bình là hạnh phúc của đồng bào mình.

Khát vọng hòa bình thường trực trong ông cũng như thường trực trong lòng hàng chục triệu con người Việt Nam lúc ấy. Có lẽ, chỉ có những người đã và đang trải qua chiến tranh như thế hệ ông mới thật sự thấu hiểu và trân trọng cuộc sống bình dị trong hòa bình. Vũ Quần Phương trân trọng cái khoảnh khắc đoàn tụ gia đình như trong bài thơ *Chiều*:

Trong ráng chiều sắp lặn, những đoàn quân ra đi  
Bao chàng trẻ tuổi ôm đồm súng  
Sách vở còn tươi trong mắt ngây  
Dáng mẹ chờ con như dáng đá  
Hòn đất cầm lên bỗng trĩu tay

*(Chiều)*

Lẽ ra, trong thời điểm cuối ngày ấy, trong cuộc sống hòa bình người ta sẽ được đoàn tụ, quây quần bên nhau trong hạnh phúc đời thường. Thì trong hoàn cảnh chiến tranh, lúc này lại là lúc “những đoàn quân ra đi”. Những chàng trai trẻ đang ở vào cái độ tuổi đẹp nhất lại phải đi ra mặt trận mà sự sống không biết sẽ kết thúc lúc nào. Họ vẫn còn đang vằng vát hình ảnh trang

sách tươi rói mà giờ lại phải va vấp vào thực tại với sự ngỡ ngàng cảm sủng ra đi. Hành động hồn nhiên của họ càng làm nổi lên niềm đau mà chiến tranh gây ra cho số phận con người. Để còn lại phía sau là hình dáng những người mẹ hóa đá chờ con. Mẹ tiễn con đi rồi nhận lại về mình “hòn đất” nặng trĩu thương đau.

Những vần thơ của Vũ Quần Phương viết về chiến tranh là những vần thơ lắng đọng mang màu sắc triết lí, bình luận chiến tranh. Chiến tranh là công việc bất đắc dĩ, là khoảnh khắc chuyển đổi lịch sử. Chiến tranh, theo ông là khát vọng hòa bình. Những tâm sự ông gửi gắm là điều có lẽ ai cũng cảm nhận được và tán đồng. Đương thời, người ta cần những bài thơ cổ vũ tinh thần chiến đấu thì thơ ông ít nhiều bị khuất lấp cũng là điều dễ hiểu. Song những vấn đề ông đặt ra, ông thể hiện vẫn là những vấn đề sống được với thời gian. Đó chính là lí do thơ về chiến tranh của ông có sức sống lâu bền trong lòng độc giả.

2.1.2. Thực tế, cảm thức thế sự và cảm thức chiến tranh trong thơ Vũ Quần Phương không có sự phân định rạch ròi. Ông nhìn chiến tranh trong tổng thể đời người. Chất thế sự ngấm vào chiến tranh. Và giữa cuộc đời thế sự cũng có nhiều những ám ảnh về chiến tranh.

Ngay trong những năm tháng chiến tranh, ông cho chúng ta thấy những hình ảnh rất đời thường nhưng ẩn chứa trong đó nhiều vấn đề lớn lao trong đời người: “Những gì ta yêu thương/ Sau bờ tre kia nhĩ:/ Mái nhà và ánh lửa/ Tháng ngày ta lớn khôn!/ Bão giạt với mưa tuôn/ Bãi bồi và bến lở/ Gió lùa qua lịch sử/ Vết bùn khô ngón chân/ Vạt áo mẹ bao năm/ Đã từng lau nước mắt!/ (*Lúc cỏ đang mùa xuân*).

Đó là hình ảnh nhân vật trữ tình nằm trên bãi cỏ, nhìn về ngôi làng thân thương mà xúc động. Ở đó có tổ ấm, những mái nhà, ánh lửa, ... đã nuôi anh lớn khôn. Nhưng đồng thời cũng nói lên được cái khổ cực của người nông

dân ngàn đời. Chân họ lúc nào cũng lấm bùn, ngập trong bùn mà trải qua bao nhiêu thời đại, “gió lửa qua lịch sử” cũng chỉ đủ làm khô một vết bùn ở ngón chân họ mà thôi.

Trong bài *Anh bộ đội và con búp bê*, độc giả không khỏi bồi ngùi xúc động khi thấy giữa phố phường Sài Gòn ngày giải phóng, trên ba lô của anh bộ đội có con búp bê bình dân để tặng đứa con mười tuổi mà anh chưa một lần được gặp mặt. Và anh chiến sĩ ấy còn được trở về để gặp lại con thì bên cạnh đó sẽ còn biết bao nhiêu người chiến sĩ đã ra đi mãi mãi. Và biết bao đứa trẻ sẽ không bao giờ được gọi tiếng cha. Ngày chiến thắng kia phải đánh đổi, trả giá bằng bao hy sinh mất mát của những người lính vô danh mấy ai biết đến:

Phố phường ơi, im nhé  
Im mọi tiếng bán mua, im mọi lời đất rẻ  
Nghe thanh trong bài hát mới của đời  
Anh bộ đội, trên vai, con búp bê nhỏ bé  
Và ngôi sao đang ở tuổi lên mười

(*Anh bộ đội và con búp bê*)

Một cách thể hiện khác có thể nhận thấy ở Vũ Quần Phương, khi viết về *Cô ca sĩ Sài Gòn hát bài hát Trường Sơn*, độc giả sẽ có cảm tưởng như Vũ Quần Phương mỉm lòng khi thấy cô diễn viên Sài Gòn, không kinh qua những khắc nghiệt của Trường Sơn trong cuộc chiến nhưng lại đang được nhận những vinh quang về Trường Sơn trên sân khấu:

Trường Sơn đông gánh gạo rừng khuya  
Cô gái ấy gánh đi, chứ em chưa biết gánh  
Thửa cô ấy ở rừng em ngồi phòng máy lạnh  
Cô gái ấy không về và em hát hôm nay

(*Cô gái Sài Gòn hát bài hát Trường Sơn*)

Nếu đọc kĩ ta sẽ thấy không phải là nhà thơ khắt khe với cô ca sĩ trẻ hôm nay mà ẩn trong những lời thơ đó là chiều sâu triết lí, chiêm nghiệm. Dường như đó là cả một khối mâu thuẫn, giằng xé tranh luận về hôm qua và hôm nay, quá khứ và hiện tại. Dường như ông muốn nhắc cô gái trẻ cũng như thế hệ trẻ ngày hôm nay cần phải biết ghi nhớ, trân trọng những con người đã làm nên lịch sử để chúng ta có giây phút hạnh phúc trong cuộc sống hòa bình ngày hôm nay. Bài thơ có năm khổ, bốn khổ trên là một mạch logic diết dống, so bì. Khổ dưới cùng là một mạch khác hoàn toàn. Nó giải tỏa cách nghĩ trên cả về tình, cả về lí: “Cô gái ấy rất hiền và dặt tiếp em đi”.

Chúng ta thấy nổi bật lên ở thơ Vũ Quần Phương là chất giọng thơ sâu lắng theo vào nhân thế với cái nhìn đa chiều, thấu đáo và thái độ trân trọng đầy tin tưởng, thương yêu con người và cuộc sống. Chất thế sự trong thơ Vũ Quần Phương là sự nghĩ ngợi về cuộc sống. Đó là cái tạng cảm xúc của ông. Ngay trong cảm xúc có sự nghĩ ngợi và nó gắn với những vui buồn, với những riêng tư của cuộc đời.

Có thể những hoàn cảnh riêng của ông: việc bố mất sớm, phải xa nhà đi trọ học từ lúc còn ít tuổi, rồi việc những người thân cứ rời bỏ ông đi, ... cho nên thấm vào những trang thơ của ông mang theo những vui buồn, cảm xúc đời riêng. Tuy vậy, với quan niệm nghệ thuật nhất quán là thơ không chỉ là cảm xúc mà đó còn là những kinh nghiệm sống. Cho nên Vũ Quần Phương không viết những câu thơ chỉ phản ánh hiện thực đời sống hay những cảm xúc đơn thuần mà nó còn là sự đúc rút ra những quy luật chung có thể áp dụng cho người khác. Bài thơ *Cửa bể* là một minh chứng thuyết phục:

Đến đây gần bể xa nguồn

Con sông chảy chậm, nổi buồn tan lâu.

(*Cửa bể*)

Chỉ với hai câu thơ nhưng bài thơ đã gieo vào lòng người đọc một cái gì đó lắng đọng, xao xuyến, bồi hồi mà rất sâu sắc. Và một chút dư vị của sự trải nghiệm. Đọc hai dòng thơ lên đọc giả, nhất là những người đã kinh qua nhiều vui buồn trong cuộc đời khi nhìn lại đều cảm thấy thoáng chút buồn. Còn với nhà thơ thì dường như lúc nào ông cũng có cơ để buồn. Những đứa con mất bố như ông thường sớm trưởng thành và cũng dễ đến với nỗi buồn. Đó là cảm giác của Vũ Quần Phương nhưng cao hơn thế đó là cái nghĩ ngợi, sự chiêm nghiệm của cả một đời người. Khi ta đã xa nguồn gốc, phải hòa vào cái bể rộng lớn thì con người cảm thấy buồn. Và khi con người phải trải qua những tử biệt sinh ly, lúc ấy con người rơi vào trạng thái lắng đọng. Đó là quy luật của đời sống. Cũng như khi chúng ta còn nhỏ, còn trẻ ta thương bố mẹ ta thật nhiều nhưng ta chưa thể làm gì cho họ được. Đến khi ta thành đạt rồi, có dư thừa mọi điều kiện để lo cho họ nhưng họ đâu còn bên ta nữa. Khi những người thân yêu không còn bên chúng ta nữa thì chúng ta sẽ cảm thấy cô cút, lạc lõng trên cõi đời này. Đây là điều mà chắc chắn ai trong mỗi chúng ta đều đã, đang hoặc sẽ phải trải qua vì nó là một quy luật không ai có thể cưỡng lại được. Và có lẽ đến đây, người đọc cũng đã hòa cùng nhịp, cùng tâm trạng với nhà thơ. Chỉ khi tìm được sự đồng điệu nơi độc giả thì thơ mới có sức lan tỏa và mới thể hiện đúng chức năng và địa hạt của nó trong tâm hồn con người. Thơ mới trở thành một liều thuốc chữa cho những tâm hồn đang ngày càng khô khan đi bởi nhịp sống và cách sống hiện đại. Phải chăng đó cũng chính là điều tâm huyết mà ông vốn từ một bác sĩ chữa bệnh về thể xác thành một thi sĩ mang đến những liều thuốc cho tinh thần. Những điều vừa nói thiên về phần nghĩ của bài thơ. Thật ra bài thơ này nảy sinh lại từ phần cảm. Cảm cái đìu hiu sông nước quạnh vắng ở cửa bể; sông rộng vui mình và bể bao la. Trực giác ấy đủ dẫn đến nỗi buồn. Nỗi buồn trực cảm ấy được kiến tạo bằng bút pháp để thành một nhận thức cuộc sống là do hai vế: gần bể xa nguồn và nỗi buồn tan lâu.

Với chủ đề thế sự, Vũ Quần Phương có khuynh hướng tìm thơ từ những cái bình thường. Trong cái bình thường, ông phát hiện ra những ý tưởng rất sâu sắc. Trong đời thường ông tìm thấy những cái phi thường. Trong bài *Diêm*, ông phát hiện ra những điều rất lí thú và đúng đắn: “Que diêm sống/ khi đang chết”. Đây là một phát hiện từ hình ảnh thực rất bình thường. Ông lấy cảm hứng từ người anh hùng Nguyễn Văn Trỗi, người ám sát Bộ trưởng Bộ quốc phòng Mỹ khi còn chín phút trước cuộc hành hình. Nhưng chín phút ấy là thời gian anh sống mãi và trở thành một tấm gương lấp liếm.

Anh sống khi đang chết: “nằm trong hộp tối bao nhiêu ngày/ chỉ để một phút giây/ bùng sáng”. Đây là phát hiện thứ hai, không phải chỉ với diêm mà với những cuộc đời, nhất là cuộc đời những chiến sĩ, những người làm tình báo, những người đánh đặc công.

Ánh sáng ở đâu?  
Không ở gỗ  
không ở chất diêm sinh  
mà ở phút rùng mình  
va chạm.

(*Diêm*)

Phát hiện thứ ba này là niềm cổ vũ cho những va chạm. Nó lí giải cái giá phải trả cho chiến thắng.

Từ hình ảnh một que diêm rất bình thường, Vũ Quần Phương đã phát hiện ra cái phi thường và quy luật của cuộc sống hiện sinh. Trong cuộc đời, sự va chạm là tất yếu. Chính từ trong sự va chạm ấy, mọi sinh vật có thể bộc lộ mình. Tốt hoặc xấu, thiện hay ác... và quan trọng hơn va chạm là để mình chứng sự sống chứ không phải chỉ là sự tồn tại của mình trong cõi đời này. Tác giả vở kịch Hamlet cũng có chương đoạn mang tên *Sống hay không sống* - đó là vấn đề. Hay Ông hoàng thơ tình là Xuân Diệu cũng từng thốt lên “Thà

một phút huy hoàng rồi chợt tắt/ Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm”. Nhưng ở đây, Vũ Quần Phương khái quát nó lên ở mức độ cao hơn là con người sống trên đời phải chấp nhận sự va chạm để chứng minh bản thân mình và để chứng minh mình nhập cuộc đang “sống”.

Còn đây là câu thơ trong bài *Những câu thơ trong đêm*:

Bóng mẹ đứng trong ráng chiều đập đất

Bóng cha cày trên mỗi hạt cơm

(*Những câu thơ trong đêm*)

Câu thơ với hình ảnh quen thuộc hiện lên với dáng hình những người nông dân tần tảo sớm hôm để làm ra hạt gạo nuôi sống con người. Hình ảnh bình dị ấy thật xúc động và trở nên thiêng liêng hơn đối với mỗi chúng ta và càng thiêng liêng hơn trong tâm trí người ra trận ở trong bài thơ này. Lời thơ cô đọng giản dị nhưng nói được trọn vẹn cuộc đời của người làm ruộng và đã nâng hạt gạo lên tầm vũ trụ ngang với không gian rộng lớn của ráng chiều.

Vũ Quần Phương hay tìm những quy luật, chân lý sâu sắc ở những cái tưởng như bình thường đó. Trong bài thơ *Phật cười*, ông viết:

Trời nổi cơn dông

đất nổi cơn dông

bão dông không ướt chỗ ông Phật ngồi

- Ô hay!

Ông Phật bật cười,

- Đừng nhầm gổ mít với tôi trong chùa

(*Phật cười*)

Những dòng thơ đầu có hàm ý trách Phật vì trời bão dông thì Phật vẫn cứ ung dung ngự trong chùa. Phật không bị mưa gió bão bùng, chỉ có chúng sinh ngoài kia là khổ. Tuy nhiên, theo Phật pháp, Phật không hiện hữu ở trong chùa mà Phật có mặt ở mọi nơi. Còn cái ngự ở chốn chùa kia chỉ là cái tượng



trung cho Phật mà thôi. Cho nên mọi người đừng nên nhầm lẫn “gỗ mít với tôi trong chùa” tức là đừng nhầm tượng phật với phật.

Những chủ đề mà Vũ Quần Phương đề cập trong sáng tác của mình khá rộng. Vừa bao quát lại vừa cụ thể các sự kiện trong đời sống. Trong bài thơ *Con nai rừng vào phố*, ông đã đề cập đến một vấn đề là sự tiến lên của nhân loại thông qua một hình ảnh con nai rừng bước vào phố, bước vào thế giới văn minh của con người hiện đại. Phải trải qua rất nhiều thế kỉ, từ chỗ con người tìm vào rừng săn bắt nai cũng như các muông thú khác. Giờ đây con nai chủ động bước vào thế giới của con người. Không gian, thời gian, không khí để tạo điều kiện cho con nai bước vào thế giới của con người thật hiền hòa và trang trọng như một nghi lễ.

Vũ Quần Phương nghĩ ngợi, tưởng tượng về thửa xa xưa, người và nai chung sống trong rừng. Con người bỏ nai đi trước và mỗi khi người vào rừng tìm về với nai thì không phải là vì nhớ nai mà thực chất nó là cuộc săn đuổi, phục vụ cái dạ dày thèm prôtít của người. Và trải qua hàng vạn năm trôi qua, khi hàm răng con người từ chỗ còn “nhọn sắc” đến chỗ “thành ra nụ cười”. Từ “cặp mắt nhìn nhai nuốt/ Mới biết nhìn rong chơi”. Đó là cả một bước tiến dài của nhân loại. Cho nên, sự kiện con nai từ thế giới hoang dã bước vào thế giới văn minh của con người là một sự kiện đánh dấu bước phát triển mới của con người hiện đại:

Buổi trưa thành nghi lễ

Đón nai đi với người

Mặt trời ôm mặt đất

Dấu chân người chân nai.

Nửa thế kỉ này, chúng ta đặt ra vấn đề thân thiện với thiên nhiên chứ không phải là chinh phục thiên nhiên. Bài thơ với hình ảnh giản dị nhưng nhà thơ đã đúc rút được từ những trải nghiệm, óc quan sát và sự suy ngẫm của



mình về thể sự, về thực tế cuộc sống của loài người qua nhiều thế kỉ để thể hiện được bước tiến lớn của nhân loại.

Trở về với thể sự, mà nói chính xác hơn là Vũ Quần Phương tiếp tục phơi trải những suy tư của mình về cuộc đời thực. Trong cuộc sống từ xưa đến nay, để đạt được những điều mình muốn thì mỗi người đều cần có những phương tiện nhất định. Bài thơ *Phương tiện* là một khám phá lí thú của nhà thơ về câu chuyện cổ tích xưa để nói những vấn đề thời sự của cuộc sống ngày nay:

Tám lấy vua nhờ có ngựa có hài  
Vua muốn Tám phải là vua cái đã  
chứ chúng ta được hài  
đến công an mà trả  
được lời khen.

(*Phương tiện*)

Quả thật, nếu như Tám không có ngựa thì sao đến kịp đám hội đúng giờ. Các nàng Tám ngày xưa thì cần ngựa, còn ngày nay không đi ngựa thì cũng phải xe hơi hay ít ra là “bình bịch” chứ ai đi bộ mà dự lễ hội đường xa bao giờ. Tám không có hài thì sao vua có thể nhật được mà ngắm nghía, mà kêu dân tình ướm giày chọn vợ? Vua nếu không phải là vua mà là một anh dân đen mà bảo mọi người đến ướm hài thì ai nghe. Phải là Vua, người có đầy đủ quyền lực, địa vị thì mới có quyền ra những cái mệnh lệnh như thế. Và thực tế cuộc sống có lẽ cũng như vậy. Con người nhất thiết phải có “phương tiện” thì mới nhanh chóng đạt được điều mình muốn. Phương tiện để thành công trong cuộc sống thì rất đa dạng mà mỗi người phải biết phát hiện và sử dụng cho hợp lí với bản mình để nó trở nên hữu dụng. Người xưa khái quát yếu tố phương tiện này bằng khái niệm thời vận: “Thời lai đồ điều thành công dị/ Vận khứ anh hùng ẩm hận đa”. Khi gặp thời vận thì ông thịnh lợi hay ông

chài lưới đều có thể thành công. Vận qua rồi thì nhiều anh hùng cũng phải uống hận. Vũ Quần Phương chẻ thời vận ra thành những điều cụ thể. Câu thơ sáng rõ và có tính thực tiễn về một phương pháp hành động chứ không phải chủ đề cảm thán thời cuộc.

Với chủ đề thế sự thì không phải chỉ với Vũ Quần Phương mà với mỗi chúng ta và với cả loài người, không bao giờ nói cho kì hết được việc đời. Mỗi một con người sống trên cõi đời này vốn đã là cả một trang sử dài và đầy phức tạp. Những dấu sao, nhà thơ cũng đã nói lên được khá nhiều vấn đề trong cuộc sống và trong lòng người. Không những thế, ông còn khái quát lên thành những quy luật chung được đúc rút từ vốn sống và kinh nghiệm của cả cuộc đời mình.

## **2.2. Chủ đề tình yêu và gia đình**

2.2.1. Tình yêu vốn là đề tài quen thuộc trong thi ca. Vũ Quần Phương cũng không nằm ngoài quỹ đạo tình cảm của con người và là một người nhạy cảm nên ông cũng có rất nhiều những bài thơ hay về chủ đề này. Nhà thơ có những khám phá độc đáo về tình yêu, ông khám phá ý vị tình yêu hơn là hưởng thụ về nó. Sâu nhưng bớt say. Đằm nhưng ít đắm đuối. Bài thơ *Trước biển* gửi đến nơi bạn đọc nhiều tầng ý nghĩa về tình yêu, một trong những cung bậc tình cảm đã được ông cảm nhận một cách khá toàn diện và mang sức nặng, trầm lắng và đầy ưu tư:

Anh lặng im trên bãi cát như mơ  
Trưa cô độc mặt trời lên trót đỉnh  
Chỉ còn anh với nghìn trùng sóng đánh  
Với nghìn trùng sâu lắng thương em.  
Chiều nay thôi khi nước thủy triều lên  
Biển lại xóa dấu chân anh trên cát  
Đời thay đổi, nhưng vui buồn sẽ khác  
Vui buồn nào chẳng đậm lẽ thương nhau.

Trong tình yêu sâu đậm và chín chắn, người ta yêu và thương nhau nghìn trùng. Và có những tình yêu và niềm thương nó rất lớn, mang sức nặng và lắng đọng lại sau cái ồn ào nhiệt huyết, cái bề nổi của tình yêu mà người ta thường trông thấy đấy là những cái người ta khó diễn tả, khó gọi tên. Tình cảm con người vốn vô cùng phức tạp nên có những điều người ta không hoặc rất khó có thể giải bày cho người khác hiểu được mà chỉ có thể âm thầm cảm nhận và càng thấm thía hơn khi rơi vào trạng thái lặng im trong cô độc một mình. Khi nước thủy triều lên sẽ xóa đi dấu chân ai đó trên cát cũng như khi cuộc sống đổi thay con người sẽ dần thay đổi và lãng quên nhau. Nhưng chắc hẳn ở một góc khuất nào đó trong tiềm thức của những người đã từng yêu nhau vẫn còn đó những vui buồn hiện hữu mang đậm tình yêu thương. Bởi tình cảm mà nhất là tình yêu nó là một điều rất thiêng liêng của con người.

Người ta thường nói, người làm thơ nhất là làm thơ về tình yêu thì thường là người có một tâm hồn đa cảm và tràn trề cảm xúc. Khi người ta có cảm xúc thì người ta dễ có tâm trạng để làm thơ hơn. Thơ tình yêu phần lớn là thơ thất tình, vì khi được yêu thì ít khi người ta viết về hạnh phúc viên mãn trong tình yêu. Khi thất tình người ta thường cảm thấy có khoảng trống trải trong lòng, một nỗi niềm như sự nuôi tiếc, sự ân hận hay một chút giận hờn thì cảm xúc trong lòng thì sẽ thường trào dâng. Và nhất là đối với ai đó đánh mất đi tình yêu chân chính của mình thì người đó sẽ phải sống trong sự ân hận, nuôi tiếc và dằn vặt khó có thể diễn đạt hết thành lời. Đối với Vũ Quần Phương, ít khi thấy những bài thơ sôi nổi, dào dạt và mãnh liệt như bài thơ tình cũng là bài thơ đầu tay của ông lúc ông hai mươi hai tuổi:

...

Em là hương của mùi thơm  
Là mùa xuân của tiếng chim trên trời  
Hương em anh ủ trong người

Tiếng chim anh giữ trong lời thơ anh  
Em là không khí trong lành  
Mà anh thở giữa trời xanh mượt mà  
Em gần như nắng trên da  
Xa như hương một loài hoa anh cầm.

(*Gửi em*)

*Gửi em* thật sự là một bài thơ rất nồng nàn, mê đắm tràn trề cảm xúc với tình yêu thương của tuổi trẻ. Nhưng theo suốt hành trình sáng tạo, ở các tập thơ của ông, chúng ta chỉ thường bắt gặp những vần thơ mang một dư vị buồn buồn, trầm lắng của một người từng trải, từng kinh qua những nỗi buồn vui trong đời sống tình cảm riêng tư cũng như trong cuộc sống nói chung. Ta hãy lắng nghe lời ca của Trương Chi trong bài thơ *Thuyền Chương Tri đang trôi*:

Ca rằng:  
Nước chảy nao nao  
Con người sống giữa trời cao đất dày  
đã yêu như lũ tràn đầy  
thì thương cho đến hao gầy khúc sông  
chống sào hát với biển đông  
biển không hết nước ta không hết năng  
mây trôi nước chảy mơ màng  
con chim trúng đạn yêu bàn tay cung

Ở đây là thuyền đang trôi chứ không phải là đã trôi. Con thuyền đang trôi tức là đang tồn tại ở thời điểm hiện tại. Vì tình yêu luôn ở thì hiện tại. Đây là một quy luật của tình yêu. Anh bị trúng cái mũi tên của tình yêu cũng như con chim nó bị trúng đạn, chết đến nơi rồi nhưng nó lại yêu chính cái bàn

tay cung, cái bàn tay đã bắn trúng nó. Bốn câu thơ cuối quay trở về về với thời gian, với quy luật tình yêu:

Hoàng hôn chiều xưa thì cũng hồng  
nỗi đau tình yêu như đang rung  
chén mọc vỡ rồi, sao vẫn thấy  
thuyền Trương Tri đang trôi trên sông

Nói thời gian là để nói tình yêu. Tình yêu bao giờ cũng ở hiện tại. Khi nào nó ở quá khứ thì coi chừng nó đã mất. Và thật sự, nếu tình yêu đã là quá khứ thì tình yêu đó đã mất. Có thể nó không chết hẳn trong lòng mỗi người nhưng rõ ràng nó đã mất đi hoặc chạy trốn vào trong tiềm thức để dần dần lớp bụi thời gian sẽ che phủ nó gần như hoàn toàn. Nó mất đi bởi một trong hai người đã thay đổi hoặc cuộc sống buộc con người phải thay đổi. Cũng như khi tình yêu đang dở, tình yêu không tiến đến hôn nhân thì nó trở thành phù du, thậm chí là nỗi đau trong lòng mỗi người đã ném trái nó. Tình yêu không phải là trái đắng nhưng không hoàn toàn là vị ngọt, cũng như cuộc đời con người không phải chỉ có màu hồng mà nó còn thường xuất hiện những đám mây đen báo hiệu những sóng gió mà chúng ta phải vượt qua để sống. Đó cũng chính là quy luật tình yêu, quy luật tình cảm của con người cũng như quy luật của đời sống thực không ai tránh khỏi.

Trong đề tài muôn thừa của thi ca, quen thuộc nhưng không bao giờ xưa cũ với nhân loại này. Tình yêu luôn gắn với sự chờ đợi. Nhiều người vẫn quan niệm chờ đợi là hạnh phúc. Nhưng Vũ Quần Phương đã nhìn thẳng vào sự thật mà phân tích và phán xét. Sự chờ đợi trong tình yêu là hạnh phúc hay là bi kịch? Có lẽ nên nhìn thẳng vào sự thật, chờ đợi nó vẫn thường là bi kịch, là nỗi đau, nhất là trong sự vẩn xoay của cuộc sống bây giờ. Con người, cảnh vật trở nên gần gũi hay xa lạ với nhau đôi khi chỉ trong khoảnh khắc mà có khi là trong cả cuộc đời.

Đứng một ngày đất lạ thành quen

Đứng một đời em quen thành lạ

(Đợi)

Đợi em một ngày, đứng một ngày để đợi em thì tất cả mọi vật xung quanh sẽ như gần gũi, thân thiết, quen thuộc. Nhưng nếu phải đứng một đời, đời một đời thì chính “em” sẽ từ quen thuộc trở thành lạ lẫm. Đó có lẽ là điều đau xót nhất nhất là trong thời kì đất nước bị cắt chia 1954 - 1975. Người vốn thân quen với mình lại trở thành xa lạ, có khi lại lạnh lùng đến thành tàn nhẫn.

Có thể nói, Vũ Quần Phương viết về tình yêu thương ngấm ngời và ưa triết lý. Và đó cũng chính là cái “tạng” của ông cũng như trong thơ ông. Những vần thơ trữ tình mang tính triết lý đã đi vào lòng người đọc bởi từ cái “riêng” ông đã khái quát nó lên thành cái “chung” mà mỗi độc giả khi đọc thơ ông vẫn ít nhiều tìm thấy một phần của bản thân mình trong đó. Và đó cũng chính là cái tạo nên giá trị thơ của ông: sức nặng của trí tuệ, chiều sâu triết lí với tình cảm luôn dạt dào của trái tim đa cảm đầy yêu thương.

2.3.2. Vũ Quần Phương dành nhiều những trang viết về những người thân của mình. Đó trước hết là những vần thơ viết về mẹ, hồi tưởng về người mẹ vất vả, tần tảo nuôi các con khôn lớn.

Hình ảnh *Căn nhà xưa* mang dấu ấn thân thương của mẹ như một kí ức sống mãi trong lòng Vũ Quần Phương. Nó không chỉ xuất hiện tại một thời điểm, một bài thơ mà nó lặp lại nhiều lần trong những trang thơ về chủ đề gia đình của ông: “Căn nhà thân thuộc./ Tôi đứng nghe hơi thở của từng viên gạch cũ .../ Viên gạch mới reo vui. Viên gạch cũ nặng lòng./ Đất lặng lẽ âm thầm dưới móng./ Ai đã nghĩ rộng xa trong căn nhà hẹp cũ, xin chớ bị hẹp lòng khi ở chốn thênh thang.”

Đời người ngắn lắm, chẳng mấy mà sự hoán đổi tuổi tác của chúng ta với những thế hệ khác lần lượt tiếp nối. Thời gian cứ trôi, sự đời cứ chảy trôi.

Và mỗi người hãy giữ lại cho mình những kí ức về người thân, nhất là với cha mẹ. Họ sẽ sống mãi trong lòng chúng ta với lòng tôn kính và sự biết ơn vô bờ. Đó cũng là truyền thống đạo lí muôn đời mà Vũ Quần Phương đã gửi gắm qua những tình cảm chân thành của mình dành cho mẹ ông nói riêng và hàng triệu triệu bà mẹ nói chung.

Ông luôn thương cảm và thấu hiểu người mẹ và người vợ đã hy sinh cả đời con gái son sắc cho chồng con. Bài thơ *Phải chăng* là một nỗi lòng cảm thương với nỗi niềm của người bạn đời của mình:

Phải chăng trước gương em thoáng nét buồn:

tuổi trẻ xa rồi, nhan sắc đi đâu!

Nhan sắc thành đời anh nuôi các con khôn lớn

Thành tháng ngày khuya sớm lo toan

Đó là những lời cảm thông, chia sẻ và an ủi người bạn đời của mình. Đồng thời nó cũng như một lời tri ân đến những người vợ, người mẹ đã hi sinh cả tuổi trẻ, cả cuộc đời của mình cho gia đình, tế bào của xã hội

Có sự thành công nào mà không có mất mát hi sinh. Gia đình ông có được sự ngưỡng vọng của mọi người ngày hôm nay khi con cái đã phụng dưỡng trở thành đạt.

Bên cạnh đó, những trang viết về con, cháu của Vũ Quần Phương cũng làm cho người đọc xúc động. vui buồn với cái niềm vui, nỗi buồn của người làm cha, làm ông. Đó là nỗi nhớ nhung cùng với niềm tự hào dành cho những đứa con thân yêu đi học xa nhà (*Nhớ con, Thăm con, Trường con,...*) và là những dòng thơ chứa chan tình cảm dành cho những đứa cháu đáng yêu của mình (*Cháu Tễu hát khoe, Với thằng cu Tuệ, Cu Tuệ, Ông cháu, Nghe cháu hát,...*). Những vần thơ viết về gia đình, người thân của Vũ Quần Phương thật giản dị, giản dị như từng trang cuộc sống mà làm lay động lòng người. Đọc giả không thể không rung động và trầm trở cùng niềm hạnh phúc đơn sơ tưởng

như rất bình thường mà lại thật thiêng liêng của một người ông khi được nghe cháu hát trong đêm nhưng cách “nửa vòng trái đất”:

Ông ở bên này nghe cháu hát  
Nửa vòng trái đất ngõ buồng bên  
Giọng cháu dập dồn hơi thở gấp  
Trái đất như cùng ông đứng yên

*(Cháu Tễu hát khoe)*

Với trái tim nhạy cảm trước cuộc đời, Vũ Quần Phương còn có những vần thơ về mảng đề tài đề cập đến những vấn đề bất cập trong cuộc sống thường nhật. Chẳng hạn như vào trường xiếc mà nhà thơ liên tưởng đến biết bao nhiêu “trò xiếc”, trò “ảo thuật” đang diễn ra ở “cõi người ta”:

Đỏ biến thành xanh, xanh hóa đỏ  
Kí tờ giấy nhỏ hóa đô la  
Đâu phải trường anh mới dạy xiếc  
Trông kìa trong cái cõi người ta

*(Trường xiếc)*

Có thể do ý thức được một cách sâu sắc những “trò xiếc” trong cuộc sống nên ông lại vô cớ bực mình với đứa cháu nhỏ khi cháu đòi đi xem “*Xiếc Trung Hoa*”:

Các cháu về đòi đi xem xiếc  
Tết này có diễn xiếc Trung Hoa  
Ông có đi không?  
Ông chả thiết  
Xiếc ta đang diễn khắp muôn nhà

*(Xiếc Trung Hoa)*

Lời thơ chỉ như những lời đối thoại bình thường trong cuộc trò chuyện với đứa cháu nhỏ, và đứa cháu cũng sẽ không hiểu hết những điều nhà thơ



muốn nói, đó như một lời cảnh báo về hiện tượng thiếu trung thực khá phổ biến trong mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội hiện đại.

Những vần thơ ông viết về gia đình mang nặng tình cảm của một người làm con rồi làm chồng, làm cha, làm ông dành cho những người thân yêu của mình. Đồng thời, chúng ta cũng thấy một điều như là một quy luật thực tại của cuộc sống. Gia đình là tế bào của xã hội. Mỗi gia đình tốt đẹp sẽ góp phần tạo nên một xã hội tốt đẹp. Nhưng thực tế cho thấy, không phải gia đình nào cũng êm ấm, hạnh phúc viên mãn, vẹn toàn. Cuộc sống kinh tế thị trường đang ngày một thay đổi theo sự biến động, sự phát triển như vũ bão về mọi mặt. Gia đình từ đó cũng chịu tác động trực tiếp. Vì công việc, vì yêu cầu của cuộc sống hay nghề nghiệp mà rất nhiều gia đình ít khi được họp mặt đầy đủ với nhau. Vì đặc thù công việc phải sống xa nhau đã đành, nhưng có những gia đình được sống bên nhau nhưng những lúc quây quần đầy đủ và đầm ấm thì lại không nhiều. Bố mẹ bận rộn với công việc. Con cái bận rộn với học hành hoặc là tín đồ của những internet, game,... nhất là ở thành phố thì mối quan hệ gia đình ngày một trở nên lỏng lẻo hơn. Đây là một thực tế đáng lo ngại của xã hội. Bởi gia đình là tế bào của xã hội mà nếu như từng “tế bào” lại không có sự gắn kết chặt chẽ với nhau thì dẫn đến cộng đồng xã hội con người sẽ không gắn kết. Con người sẽ ngày một xa cách, hời hợt với nhau. Cách khai thác thơ của Vũ Quần Phương trong chủ đề này là một cách khắc phục các hoàn cảnh đó.

### **2.3. Chủ đề về các văn - nghệ sĩ**

Điểm đặc biệt của Vũ Quần Phương là ông có một mảng thơ viết về các văn - nghệ sĩ, viết về các “đồng nghiệp” của mình từ trong quá khứ đến hiện tại và các nghệ sĩ khác. Ông có những khám phá về cuộc đời và sự nghiệp của các tác giả bằng hình tượng và cảm xúc chứ không phải khám phá một cách thông thường như là đi tìm tiểu sử của ai đó. Bên cạnh đó, ông có những vần

thơ viết về nghề một cách chân thực, sâu sắc và thấm thía mang một dấu ấn rất riêng và giọng điệu cũng rất đa dạng. Ở đó, ông bộc lộ những quan niệm về thơ rất rõ ràng và thấu đáo.

Khi viết về những thi sĩ trong quá khứ, ông có những đồng cảm chân thành. Thương về “những người muôn năm trước” (Vũ Đình Liên) và những người thời bây giờ, trong đó có cả bản thân mình. Ông ý thức được vai trò của những người làm ra thơ ca nghệ thuật nó nhọc nhằn như thế nào. Với con mắt “liên tài” và tấm lòng “đồng thanh tương khí”, những vần thơ của ông về các bậc tiền nhân, về những người bạn vong niên và đồng trang lứa luôn thấm đẫm cảm xúc và chất chứa đầy sự cảm thông. Vũ Quần Phương thường dừng chạm đến niềm trân trọng sâu kín, nỗi khắc khoải cõi người và phần nào những đặc trưng tư tưởng nghệ thuật của mỗi người. Chúng ta có thể xem như đó là những tiêu luận bằng thơ về các nhà thơ.

Ông gay gắt đến phần nộ trước lưỡi dao oan nghiệt vung trên mái đầu tóc bạc của Nguyễn Trãi: “Lịch sử nó là gì? Lịch sử nó là ai?” mà nghiệt ngã đến vậy đối với một bậc tài nhân đáng trọng vọng. Ông giật mình trước câu thơ như lời trăng trối của Nguyễn Du: “Bất tri tam bách thôi đừng nhắc/ Giật mình trang giấy trắng khăn xô”. Hay ông nhìn vào nỗi cô đơn khắc khoải của Nguyễn Khuyến: “Mắt đã đỏ hoe vẫn đợi/ Rượu hã hê trên tay vẫn chờ”. Có khi ông ngấm vào những vần thơ nước mắt tràn đầy của Tú Xương: “Ông nhìn vầng trăng/ khóc/ trong những câu thơ cười”. Rồi ông lại hóa thân vào Tản Đà để nhìn đời bằng con mắt “lơ mơ” vừa ngông ngênh khinh bạc vừa cô đơn đau xót: “Công danh như lá bay vèo/ Thắng thua như nước thủy triều chảy xuôi”. Có lúc khát cơn khát không bao giờ đã, chẳng thể nào nguôi của “ông hoàng thơ tình” - Xuân Diệu: “Huyền hồ bóng dáng thịt da/ Uống xong lại khát là ta với đời”. Ông đã dành cho Xuân Diệu, nhà thơ “mới nhất trong

các nhà thơ mới” [46] trước năm 1945, người luôn khao khát hạnh phúc nhưng lại luôn cô đơn những vần thơ chân thực và đầy sự cảm thông:

Con sông ấy có bến thuyền  
 Câu thơ ấy có một miền xót xa  
 Thơ tình tặng khắp người ta  
 Hại thay... trắng một vòng hoa trên mồ  
 Chân đi trăm núi nghìn hồ  
 Gửi hương cho gió bao giờ mới xong

(*Độc Xuân Diệu*)

“Trắng một vòng hoa trên mồ” là biểu tượng tình duyên Xuân Diệu nhưng ý là sự thực, Vũ Quần Phương cho biết chính ông đã tết vòng hoa trắng của nữ đạo diễn điện ảnh lên đỉnh của đồng hoa trên mồ Xuân Diệu trong nghĩa trang Văn Điển hôm đó.

Với Chế Lan Viên, Vũ Quần Phương trào nước mắt trong mấy câu thơ gọn, chắc, sắc sảo như khắc văn bia cho bậc đàn anh. Vừa có sự bình giá tài năng, vừa có sự cảm thương nghề nghiệp trong một tình thế văn chương:

Anh ấy điêu tàn anh ấy phù sa  
 Anh ấy đục hồn trời hồn đất  
 Câu cuối cùng hỏi đâu hồn ta?

Câu cuối cùng ấy nằm trong các tập *Di cảo*, xuất bản sau khi Chế Lan Viên mất. Câu thơ bình thường như văn trần thuật nhưng giấu biết bao nước mắt bên trong. Là một nhà thơ, thậm chí một nhà thơ được đề cao nhưng lúc nhắm mắt xuôi tay lại tức tưởi không biết hồn mình ở đâu là cực lắm. Vũ Quần Phương là một trong số ít người nhận ra nỗi cực ấy của Chế Lan Viên.

Vũ Quần Phương thương người bạn già Hồ Dzếnh tê tái hồn Chiêu, màu cây trong khói, nổi tái tê muôn thửa khôn nguôi:

Đã hay nước chảy đá mòn  
 Vẫn lo đá nát hồn còn tái tê

Trong cuộc đời riêng của nhà thơ gốc Hoa này, tùy theo thời thế, ông cũng chịu những đánh giá thiệt thòi. Vũ Quần Phương như một người em, đã viết những dòng tiểu luận an ủi để cổ vũ Hồ Dzếnh rất chân thành.

Với tác giả *Thương nhớ mười hai*, ông cộng thêm vào một thương nhớ nữa để nhớ Vũ Bằng, một nhà văn sống trong vùng kiểm soát của đối phương khi Vũ Bằng chưa được xác nhận có liên hệ với kháng chiến:

Xin nước mắt được chùi cho nước mắt

Xin xót thương cho nhẹ xót thương người

Viết về Nguyễn Bính, ông chọc ghẹo để rồi ngậm ngùi cho giấc mơ quan trọng xa vời:

Vạn lí tương tư cao ngất ngất

Quê nhà mưa lũ nước lên nhanh

Dành sự quan tâm bằng những vần thơ cho Trần Huyền Trân, ông gợi đôi nét về cuộc đời sáng tạo, những ngày ốm đau phải cắt tời ba chi để rồi khắc vào tâm trí độc giả một con người chinh phu:

Quắc thước một thân người tật bệnh

Con đò mắc cạn

Buồm không chèo không

hồn vênh nghe sóng gió sông Hồng.

Thăm Tô Hà, người bạn thơ đã mất, ông cảm thương:

Suốt đời bạn quá không kịp sống

Giờ nằm nghe gió lộng

bờ sông

mùa cỏ may

những cánh buồn rủ rê viễn vọng

trời bao nhiêu là mây.

Có lẽ là thương mình rồi thương người, thương người rồi lại thương mình mà Vũ Quần Phương luôn có cái nhìn cảm thông, nhân ái cho thân phận những nhà thơ. Với Lê Đạt: “Đi một thôi dài không chỗ nghỉ/ Có bóng cây đâu mà dừng chân” và “chứ đi không kịp thở/ ngày đi không kịp đêm/ trang giấy trắng như con mắt mở”. Ông thành tâm cầu chúc cho ông *Phu chữ*:

Cầu cho chữ gặp người  
Người gặp cây và gió  
Gió gặp chim bay  
Cây gặp mùa ra quả  
Những sợi tóc bạc phơ nằm thờ  
Nghe chữ về  
đậu chín trên tay.

Còn rất nhiều những bậc tài nhân, những thi sĩ của nhiều thế hệ đã được Vũ Quần Phương đề cập đến trong những vần thơ của mình. Phải là người yêu người, yêu nghề và yêu đời cùng với một vốn hiểu biết sâu, rộng không chỉ về văn học mà cả lịch sử, chính trị, văn hóa... thì ông mới có thể có cái nhìn bao quát, toàn diện như vậy. Cùng với tấm lòng nhân ái và cảm xúc luôn dạt dào trong tâm hồn nhạy cảm của ông cộng thêm những sự từng trải nghề, về đời đã giúp cho những vần thơ của ông luôn có giá trị và sức sống lâu bền không chỉ trong lòng bạn yêu thơ mà còn trong lòng những người làm thơ nữa.

Qua những vần thơ ông viết về những “đồng nghiệp” của mình cũng như các nghệ sĩ, người đọc thấy được Vũ Quần Phương có một trái tim đôn hậu đầy thương yêu và sự đồng cảm đồng thời là một cây bút có kiến thức uyên thâm với năng lực thẩm bình được chuyển hóa trong thơ một cách linh hoạt và đặc sắc tạo nên một dấu ấn riêng, phong cách riêng.

Ngoài ra, ông còn viết về các nghệ sĩ và những người làm ngành nghề khác. Trong bài thơ *Xem tranh*, ông rung cảm trước bức tranh của người nữ họa sĩ vẽ tặng Văn Dương Thành:

Nước non vẫn nước non nhà  
Bâng khuâng nét đậm nét nhòa than thương  
...  
Vẽ buồn, vẽ nhớ, vẽ yêu  
Tương tư vẽ gió cho điều đứt dây  
phòng tranh hay nước non bày  
Ta hay lựa bạch ai đầy hồn ai

(*Xem tranh*)

Hay viết về một cô giáo miền xuôi lên vùng cao dạy học, đem tâm huyết của mình đến với những bản làng, với các em nhỏ còn chưa biết viết i tờ. Cô giáo vùng cao với nhiệt tình của tuổi trẻ đã cống hiến hết thời con gái trắng ngần của mình ở nơi xa xôi hẻo lánh thật cảm động và đáng trân trọng:

Rừng cạn kiệt  
suối cạn khô  
trẻ người Dao đi học i tờ  
cái bụng lép đói từng con chữ  
...  
Cô giáo vùng xuôi lên dạy chữ  
mười năm rừng một mình nhóm lửa  
bếp lửa tàn lại chim kêu đêm.

Dẫu biết rằng: “Rừng cạn kiệt/ ta trồng cây mới/ cây phủ xanh nước lại về nguồn”, còn tuổi trẻ của cô:

chỉ tuổi trẻ đi rồi, đi mãi  
những em bé hết thời thơ dại

chữ cô trồng như cây lớn lên  
cô vẫn đẩy nguyên thời con gái  
bập bùng ngọn lửa/ thần thờ đêm

*(Cô giáo vùng cao)*

Vậy mới thấy rằng, làm bất cứ nghề gì cũng cần cái tâm và sự hi sinh cao cả. Và mỗi một nghề nghiệp đều đáng trân trọng và xứng đáng được vinh danh.

#### **2.4. Những vần thơ đặc sắc thay lời tiểu kết**

Ý vị triết học và phẩm chất trí tuệ là một đặc trưng tiêu biểu trong thơ ông. Nó xuất phát từ quan niệm nghệ thuật và ý thức cao về nghề nghiệp cũng như tấm lòng của nhà thơ luôn trăn trở trước cuộc đời. Hầu hết các bài thơ của ông luôn ẩn chứa ý vị triết học và có sức nặng của phẩm chất trí tuệ ở trong đó. Mỗi một tứ thơ, một bài thơ là cả một sự ngẫm ngợi, chiêm nghiệm và suy tư của một hồn thơ luôn trăn trở trước cuộc đời.

Sự trưởng thành của thơ Vũ Quần Phương ở cả hai phương diện tiếp cận đời sống bằng sự chín muồi của tư tưởng cảm xúc và sự thuần thực trong nghệ thuật phô diễn là một quá trình chậm chạp và xuyên thấu vào nhau. Tạng thơ của ông là nhu hơn cương, là suy ngẫm hơn phát hiện. Cộng thêm khả năng thẩm thơ của một nhà phê bình thơ có tài đã giúp thơ Vũ Quần Phương chặt chẽ, vững chãi và tinh tế. Ông ít có những câu thơ non lép, xộc xệch mà độc giả khó tính có thể bắt bẻ. Ông cũng không làm cho người đọc phải giật mình sửng sốt bởi lối nghĩ táo bạo hay thao tác cấu tứ mới lạ. Mà nổi bật lên trong thơ ông là sự vận vi ngẫm ngợi từ những gì rất cụ thể, thân thuộc mà ông nâng lên thành triết lí, quy luật chung. Chẳng hạn:

Khi đến thăm nghĩa địa Hàng Dương, đứng trước những ngôi mộ, tấm bia ghi tên những chiến sĩ đã ngã xuống vì tổ quốc, ông suy nghĩ:

Giữa năm mất năm sinh chỉ là một đường vạch nhỏ  
Một đường vạch, chỉ một đường vạch đỏ  
Một cuộc đời giông bão đã đi qua

*(Nghĩa địa Hàng Dương)*

Giữa năm mất năm sinh cũng như giữa sự sống và cái chết của con người nó rất mong manh, nhỏ bé như một đường vạch nhỏ cắt ngang hai thế giới âm dương. Chỉ để ý một chi tiết mà ai cũng thấy nhưng mấy ai suy nghĩ sâu về nó, Vũ Quần Phương đã khái quát nó lên thành một triết lí, quy luật của cuộc đời con người.

Hay càng xa cội nguồn thì con người càng thấy thấm thía nỗi buồn như trong bài thơ sau:

Đến đây gần biển xa nguồn  
Con sông chảy chậm nỗi buồn tan lâu.

*(Cửa bể)*

Rồi từ hình ảnh dòng sông, ông ngẫm ngợi, đúc rút về quy luật dòng đời:

Có bao giờ sông chảy thẳng đâu em  
Sông lượn khúc, lượn dòng mà đến biển

*(Tình yêu, dòng sông)*

Dòng sông không bao giờ chảy thẳng cũng như cuộc đời con người có bao giờ “chảy thẳng” đâu. Người xưa đã có câu “sông có khúc, người có lúc”. Cuộc đời con người cũng như dòng sông chảy lượn khúc, lượn vòng, có lúc “xuôi chèo mát mái” nhưng có lúc gặp “phong ba bão táp” chứ có mấy ai trong cả cuộc đời cứ bình lặng êm đềm mà chảy trôi. Mà phàm có như vậy thì chắc cuộc đời cũng trở nên nhàm tẻ và vô vị biết nhường nào. Đôi khi có những sự thay đổi, có những sóng gió sẽ tôi luyện ý chí con người, giúp con người thêm bản lĩnh, vững vàng và cuộc sống thêm phần thi vị hơn.



Có thể nói, từ bất kì một sự việc, một hình ảnh gì dù rất đổi bình thường trong cuộc sống nhưng Vũ Quần Phương đều ngẫm ngợi và khái quát nó lên thành một triết lí, một quy luật tình cảm hay quy luật trong cuộc sống hiện sinh. Như từ một sợi chỉ, một đường khâu nhỏ bé của mẹ, ông cũng giúp độc giả đúc rút được những bài học và lẽ sống làm người, về tình mẫu tử thiêng liêng:

Sau này con lớn lên  
Mọi tấm áo mẹ may con đều mặc chặt  
Mọi con đường trên thế gian này con sẽ đều biết vượt  
Nhưng lòng con sẽ dừng lại sống sờ  
Trước đường khâu của mẹ  
Một đường khâu bằng chỉ thường nhỏ bé  
Suốt một đời con cứ mãi bang khuâng.

*(Áo cho con)*

Giọng thơ cứ nhẹ nhàng thủ thỉ, không cần phải cao giọng giáo huấn mà độc giả cứ tự đọc mà suy ngẫm, mà thấm thía về những tình cảm thiêng liêng mẹ dành cho con. Cũng như một nhà thơ đã viết “Con dù lớn vẫn là con của mẹ/ Đi hết một đời lòng mẹ vẫn theo con”.

Hay trong cuộc sống, có những điều tưởng chừng như nghịch lí nhưng lại rất có lí nếu ta suy ngẫm một cách thấu đáo. Bài thơ *Nghịch lí* là một minh chứng thuyết phục:

Có câu mắng phũ phàng làm hồn ta trong lại  
Lời trẻ thơ vụng dại dạy mình khôn  
...  
chuyện vu vợ huyên hoặc chiêm bao  
thành lương thực bây giờ nuôi ta sống  
...

Những em bé lang thang cát bụi  
Đất ta về hồn ta.

(Nghịch lý)

Đọc những vần thơ lên, thoát đầu độc giả sẽ thấy đó là một sự nghịch lý. Nhưng thơ Vũ Quần Phương không phải là thơ đọc vội mà người đọc cần phải suy ngẫm lại một chút. Trong đời sống hằng ngày từ xưa đến nay, có những khi lời hay ý đẹp chưa chắc đã là thật lòng, chưa chắc đã làm cho người nghe nó cảm thấy vui và thanh thản. Mà đôi khi “những câu nói phũ phàng” là những lời chân thật lại giúp con người cảm thấy dễ chịu, làm “hồn ta trong lại”. Dân gian ta có câu “Trẻ nói ngay, già nói thật” hoặc “Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ”. Trẻ em thường hay nói thẳng, nói thật và rất hồn nhiên, vô tư, thấy nào nói thế, nghĩ nào nói thế nên đôi khi những lời trẻ thơ “vụng dại” lại như một bài học “dạy ta khôn”. Có những điều ta tưởng như vô lí nhưng thật ra nó lại rất có lí cũng như việc gì cũng có căn nguyên của nó vậy.

Và trong cuộc sống, những chuyện đời, những nỗi buồn, niềm vui của mỗi người sẽ được cảm nhận một cách khác nhau. Cũng như quan niệm hạnh phúc của mỗi người ở những thái cực khác nhau không giống nhau. Là một người đã trải qua nhiều biến cố cuộc đời, hạnh phúc, buồn đau, mất mát,... đều đủ cả, Vũ Quần Phương ở cái tuổi nhìn lại, ông cảm nhận niềm vui nỗi theo cảm nhận của người đã kinh qua:

Có niềm vui mà nghĩ tội nghiệp  
Có nỗi buồn nhìn lại nhẹ như không.

(Soi gương)

Đây không chỉ là một quan niệm về nỗi buồn hay niềm vui mà đó còn là những cách ứng xử trong cuộc đời. Có khi, vui mà dễ dãi thì thành tội nghiệp, buồn mà biết làm chủ nỗi buồn, biết vượt qua nỗi buồn thì cũng coi nhẹ như không. Đó như một triết lí sống mà không phải đến ông mới đúc rút ra, có

khác chẳng là cách diễn đạt. Như câu thơ của Nguyễn Công Trứ “Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười”. Hoặc đó cũng như ý một câu châm ngôn “Thắng không kiêu, bại không nản” vậy. Với cách nhìn và quan niệm như thế, ông đã như hóa thân vào tâm sự của bậc tiền bối Tản Đà để “nhìn đời” và chiêm nghiệm lẽ đời: “Công danh như lá bay vèo/ Thắng thua như nước thủy triều chảy xuôi/ Lơ mơ là kiếp con người/ Trăm năm hay một chuỗi cười dài hơn” (*Mắt lơ mơ*).

Đến sự chờ đợi, ông cũng cảm nhận và suy ngẫm thấu đáo và khái quát nó lên như một triết lí ẩn trong đó chất trí tuệ của một người đã chiêm nghiệm cả một đời người:

Đứng một ngày đất lạ thành quen

Đứng một đời em quen thành lạ

(*Đợi*)

Có những người phải chờ đợi, chờ đợi cả một đời người những mong tìm lại được những gì quen thuộc. Nhưng thực tế chưa xót và nghiệt ngã cho ta thấy rằng sự chờ đợi ấy có thể biến những cảnh vật xung quanh thành quen thuộc nhưng lòng người lại đổi khác theo bước đi của thời gian.

Với quan niệm: thơ vừa phải giản dị, chân thành, dễ hiểu nhưng phải là tiếng nói của tình cảm, đồng thời là tiếng nói của trí tuệ: “Thơ là kinh nghiệm sống, là nhận thức trí tuệ nhưng phải được truyền đi bằng kênh cảm xúc”. Bởi thế cho nên, nhiều khi những câu thơ của Vũ Quần Phương chân thật, dễ hiểu như lời ăn tiếng nói hàng ngày, nhưng lại truyền tải được những nội dung sâu sắc ẩn chứa những triết lí độc đáo, đặc biệt là những bài thơ viết cho thiếu nhi. Như trong bài thơ *Nói với em*:

Nếu nhắm mắt trong vườn lộng gió

Sẽ được nghe nhiều tiếng chim hay

...

Nếu nhắm mắt nghĩ về cha mẹ  
Đã nuôi con khôn lớn từng ngày  
Công bồng bế sớt hòm vất vả  
Nhắm mắt rồi lại mở ra ngay

*(Nói với em)*

Quả thật, nếu nhắm mắt lại và tĩnh tâm suy nghĩ, chúng ta sẽ thấy rõ và hiểu thấu nhiều điều. Với tư duy của một đứa trẻ, khi nó nhắm mắt lại suy nghĩ nó cũng thấy được nhiều điều và thấy được cha mẹ vất vả để nuôi mình khôn lớn. Và đứa trẻ thấy thương bố mẹ, muốn giúp bố mẹ hết khổ, nó sẽ nghĩ đơn giản rằng chỉ cần mở mắt ra là không thấy nữa, bố mẹ không khổ nữa nên nó “Nhắm mắt rồi lại mở ra ngay”. Nhưng mỗi chúng ta khi nhận thức được những điều đó thì cần phải làm gì hơn là việc “nhắm mắt” và “mở mắt” nhìn đơn giản như một đứa trẻ kia, đó là tùy vào nhận thức và tấm lòng của mỗi người. Đó là cái nhẹ nhàng mà sâu sắc của thơ Vũ Quần Phương mà mỗi độc giả hãy suy nghĩ và hành động khi nhận thức được một điều gì đó nhỏ bé mà lại lớn lao. Cũng từ một bài thơ viết cho thiếu nhi, nhà thơ cũng đúc rút ra những chiêm nghiệm, triết lí bằng lời thơ nhẹ nhàng mà thấm thía:

Cái gậy có một chân  
Biết giúp bà khỏi ngã  
Chiếc compa bố vẽ  
Có chân đứng chân quay  
Cái kiềng đun hàng ngày  
Ba chân xòe trong lửa  
Chẳng bao giờ đi cả  
Là chiếc bàn bốn chân  
Riêng cái võng Trường Sơn  
Không chân, đi khắp nước.

*(Những cái chân)*

Nhà thơ tâm sự: “Tôi làm bài thơ những cái chân để nói một chân lí mà người lớn cũng nên lưu ý, ấy là có những cái không có chân mà lại đi xa nhất để nói chính cuộc đời. Đó là: đi chưa chắc đã cần chân! Người ta có thể “đi” bằng nhiều phương tiện khác nhau”. Đó chính là những phát hiện, chiêm nghiệm sâu sắc mang tính triết lí và phẩm chất trí tuệ cao của Vũ Quần Phương ẩn sau những câu chữ rất đối giản dị và chân thật kia.

### Chương 3

## ĐẶC TRƯNG THI PHÁP THƠ VŨ QUẦN PHƯƠNG

### 3.1. Tứ thơ

Từ cảm thức trữ tình mang tính triết lí trong thơ, Vũ Quần Phương đã lựa chọn cho mình một cách thể hiện thơ độc đáo. Độc đáo nhất là việc ông sử dụng tứ thơ.

Tứ thơ, mối quan hệ giữa ý thơ và tứ thơ đã được nhiều người bàn đến. Nhà nghiên cứu văn học Vũ Văn Sỹ trong cuốn *Thơ Việt Nam hiện đại và Nguyễn Quang Thiều*, Nxb Hội nhà văn 2012: “Truyền thống thơ Việt Nam rất quan tâm đến tứ thơ. Tứ thơ có thể kín đáo, nhưng hiếm khi giấu tứ. Chi tiết thơ, hình ảnh trong bài thơ như các sợi chỉ được quy về một mối buộc. Mối buộc ấy gọi là “tứ”. Bằng những cách nói khác nhau, các nhà nghiên cứu đều thống nhất cho rằng: ý thơ là suy nghĩ, là tình cảm, nội dung bao quát trong suốt bài thơ, còn tứ là cách thể hiện ý ấy trong một vẻ đẹp riêng không giống ai. Xuân Diệu cho rằng: “Ý là khái niệm và suy nghĩ từ cuộc sống mà ra được. Từ cuộc sống mà toát ra ý, ý ấy muốn trở về tác động trở lại vào cuộc sống mà tác động bằng phương thức thơ thì ý ấy nên đầu thai thành cảm xúc, tình cảm, ý ấy trở thành tứ” [17;227]. Như vậy, tứ không phải là ý trừu tượng mà đã có sắc thái cụ thể của đời sống thông qua một hình ảnh, một tâm trạng, một suy nghĩ được chọn lọc để làm điểm tựa cho sự vận động của cảm xúc, hay “Tứ thơ là ý tưởng của bài thơ trong vóc dáng cụ thể của nó” [17;165]. “Xây dựng tứ cho bài thơ chính là việc định hình, định dạng cho ý thơ một hình dáng cụ thể, sinh động, khác với những bài thơ khác cùng chung một ý. Như vậy, ý là của chung mọi người nhưng tứ là của riêng thi sĩ” [17; 227].

Tứ thơ xuất hiện khi nhà thơ đi vào thực tiễn, mở rộng khả năng liên tưởng, phát hiện ra những điều mới lạ, tương quan giữa các sự vật hiện tượng đã được nhiều người nói đến. Nó chính là kết quả của một sự sáng tạo và tài năng của thi sĩ. “Tứ thơ xuất hiện khi nhà thơ tìm ra điều thú vị và xúc động về điều đó. Điều thú vị ấy xuất hiện từ sự ngạc nhiên của tác giả, ngạc nhiên vì tìm ra cái mới trong cảnh quen thuộc từ lâu” [17;228].

Theo GS Mã Giang Lân, thơ hay là do nhiều lẽ, không nhất thiết phải có tứ mới hay. Tuy nhiên, có được một tứ thơ độc đáo sẽ khiến cho bài thơ tăng sức hấp dẫn, có độ sâu khái quát triết lý, bám chắc vào trí nhớ người đọc. Sở dĩ như vậy vì “tứ thơ là trung tâm của quá trình sáng tạo thơ ca. Nó là kết quả của một chặng đường: đi vào thực tiễn, tích trữ và chuyển hóa cảm giác, mở rộng liên tưởng, tăng cường suy tưởng, phát huy mạnh mẽ trí tưởng tượng” [ ;62]. Tứ thơ chi phối cả bài thơ, trực tiếp chỉ đạo hình tượng, quan hệ chặt chẽ với ngôn ngữ và sự liên tưởng. Tứ thơ dẫn dắt cảm xúc, suy nghĩ của tác giả để đưa thơ đến chiều cao, chiều sâu khái quát. Những tứ thơ độc đáo, nổi bật thường gây xúc động mạnh và tạo những khám phá bất ngờ mang phong cách riêng của từng nhà thơ. Theo tác giả Bùi Công Hùng, “tứ thơ là linh hồn, là cốt tủy của bài thơ. Vậy tứ thơ phải là cái phần tinh túy có khi không có hình hài nhưng lại có sức lay động tâm hồn” [62].

Như vậy có thể hiểu, tứ thơ là một mảng hiện thực (một đồ vật, một sự kiện,...) mà tư tưởng chủ đề của bài thơ nó đầu thai vào đấy. Hay nói cách khác, một bài thơ gồm có phần hồn và phần xác: phần hồn là chủ đề tư tưởng, phần xác chính là tứ của bài thơ.

### **3.1.1. Tứ trong bài**

Xuất phát từ quan niệm nghệ thuật mà theo Vũ Quân Phương, “tính chuyên nghiệp của thơ chính là chỗ thơ phải nói bằng tứ”. Nhà văn, nhà thơ phản ánh cuộc sống thực qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ, và thơ

muốn có sức sống trường cửu trong lòng độc giả thì cần phải có tứ thơ. Tứ thơ được sinh ra từ cách nhìn, cách cảm và cách viết của thi sĩ nên việc kiểm tứ cho thơ là một việc không hề đơn giản và nó đòi hỏi ở người nghệ sĩ một tư duy, một tài năng thực thụ. Một tứ thơ bao giờ cũng phải là hình tượng có tìm tòi, sáng tạo, thể hiện ý trọn vẹn. Tứ thơ gọi lên những hình tượng thẩm mỹ làm xúc động lòng người, giúp độc giả có những sự liên tưởng rộng rãi, có giá trị nhân văn cao. Hơn thế nữa, tứ thơ cũng là một trong những điều kiện làm cho thơ có sức sống lâu bền, bất diệt và cũng xuất phát từ tứ thơ mà tính trí tuệ của thơ mới được biểu hiện. Và với quan niệm sâu sắc ấy, những đứa con tinh thần của Vũ Quần Phương có sức sống bền chặt trong lòng bạn đọc và làm rung động bao trái tim yêu, làm nức lòng biết bao thế hệ độc giả. Thơ ông không thể hiện trực tiếp qua lời thơ mà thường được biểu hiện qua tứ thơ tạo nên sức khái quát rộng và độ lắng đọng, thâm trầm của thơ.

Như đã nói ở chương 2, thơ Vũ Quần Phương mang tính triết lí và chất trí tuệ cao nên hình thức biểu hiện trong thơ của ông cũng rành mạch. Thể hiện ở các tứ thơ rõ rệt trong bài. Chính vì thế, nhiều người nhận xét là thơ ông “tĩnh táo quá”. Từng khổ, từng đoạn được phân tách như sự tính toán logic trong toán học vậy. Đó là sự tĩnh táo của một người tràn đầy cảm xúc và nhạy cảm trước cuộc sống nhưng bằng trí tuệ của mình, ông vẫn nhận thức, đúc rút ra được những chân lí, những quy luật cuộc sống.

Chẳng hạn, trong bài thơ *Diêm*, ông nói bằng tứ thơ thể hiện những phân, những ý thơ, những hình tượng thơ trong bài tạo nên tứ thơ đặc sắc có ý nghĩa nhân sinh. Ý thứ nhất ở hai dòng: “Que diêm sống/ khi đang chết”, ý nói lúc nó đang chết, là lúc nó không có sự hoạt động, không cháy, không phát sáng. Lúc que diêm ấy đang sống chính là lúc nó đang cháy. Ý thứ hai nằm ở hình tượng que diêm: “Nằm trong hộp tôi bao nhiêu ngày/ chỉ để một phút giây/ bùng sáng” là nói que diêm nhỏ bé ấy nằm trong hộp tôi, im lặng,



khiêm nhường để chờ đợi phút giây “bùng sáng”. Ý thứ ba: “Ánh sáng đọng ở đâu?/ Không ở gỗ/ không ở chất diêm sinh/ mà ở phút rừng mình/ va chạm”. Ở ý thứ ba này, ông giải thích về nguồn gốc ánh sáng mà que diêm phát ra. Nó là hội tụ của cả gỗ và chất diêm sinh khi va chạm vào nhau. Đó là sự tương tác, va chạm để tỏa ra ánh hào quang của một phút giây bùng cháy đó. Tất cả các ý của bài thơ nếu cảm nhận một cách riêng rẽ, tách biệt nhau thì nó không tạo nên một ý nghĩa nhân sinh. Nhưng những ý thơ, hình tượng thơ ấy nó liên kết với nhau thành một mối liên hệ thống nhất tạo nên tứ thơ để nói lên một triết lí, quy luật rằng con người sống trong xã hội cần phải khẳng định mình, xây dựng lý tưởng để sống có ý nghĩa cho đời. Và trong quá trình ấy, con người không thể tránh được những sự va chạm trong các mối quan hệ. Sự va chạm ấy là tất yếu và nó sẽ làm cho con người trưởng thành hơn, vững vàng hơn trong cuộc đời.

Hay trong bài thơ *Trong xe điện ngầm*, tứ thơ cũng rất rõ ràng đã làm nổi bật tư tưởng, tình cảm và sự nhận thức của ông về cuộc sống:

Mở đầu bài thơ là sự ngạc nhiên, thảng thốt: “Vừa mới đây/ mà đâu mất cả”. Đó là điều gì vậy? Là: “Một bà mẹ buộc giày cho con/ ông già đọc báo/ đôi tình nhân/ tảo bạo/ hôn nhau/ một khuôn mặt lo âu/ một cái làn nội trợ”. Tiếp tục được giải thích ở ý thơ tiếp theo: “Tôi đi cùng với họ/ họ đi cùng với tôi”, vậy mà “chỉ vài phút thôi/ chớp mắt/ ngẩng lên nhìn/ xung quanh đã khác”. Đến ý thơ cuối:

tàu vẫn chạy  
toa vẫn đông  
buồn cháy lòng.

Tất cả mọi sự việc, hình ảnh thơ mà tác giả quan sát được và sâu chuỗi tạo thành một tứ thơ nói lên những cảm nhận sâu sắc của ông về sự trôi chảy của thời gian và sự thay đổi chóng vánh của cuộc sống. Người lên, người

xuồng trong xe điện ngầm hay những phương tiện giao thông khác là chuyện bình thường, không mấy ai để ý, mấy ai ghi lại và ngẫm ngợi. Nếu như tứ thơ thiếu đi ba dòng thơ cuối thì chắc hẳn bài thơ không có ý nghĩa gì hay chỉ đơn thuần là sự quan sát một cảnh tượng tự nhiên. Nhưng tứ thơ phối hợp nhịp nhàng giữa các câu chữ, dần hé mở nội dung và suy ngẫm đã tạo cho bài thơ một sức lắng đọng, một cái gì đó in hằn lên “Vết thời gian” khiến cho độc giả suy nghĩ và cảm nhận về sự thay đổi của cuộc sống một cách chóng vánh qua từng giây thời gian.

Những quan sát đời thường từ những sự vật xung quanh luôn là nguồn cảm hứng vô tận để nhà thơ nảy sinh những tứ thơ độc đáo. Nghe một tiếng chim hót vào buổi sáng ông cảm thấy lòng mình thư thái nhưng rồi lại ngẫm ngợi, hình thành một tứ thơ trong đầu. Ông bắt đầu triển khai các ý thơ theo mạch suy nghĩ và xúc cảm của mình. Ở giữa lòng thành phố vào thời điểm buổi sáng:

Sáng nghe chim hót trong vườn phố  
Vườn trên tầng thượng, trên ban công.

Ông thấy lòng mình như mơ mộng:

Ta nghe hót ngỡ mình gặp suối  
Gặp trăm hoa, hương lạ ngập ngừng  
Sương đọng trong veo đầu lá biếc  
Hồn mai thanh khiết chín tầng không.

Rồi như chợt thức tỉnh, cảm thương cho thân phận chú chim nhỏ bé với tiếng hót trong trẻo kia:

Ta nghe hót mà quên chim đang hót  
Thấy bao la mà quên một chiếc lồng  
Tiếng hót hay mà lòng chim tan nát  
Nỗi nhớ trời xanh nỗi nhớ ruộng đồng.

Để rồi tự trách mình, tự nhận thấy mình quá vô tâm khi:

Chim kêu cứu mà lòng ta mơ mộng

Chim tội tình mà ta cứ như không

*(Sáng nghe chim hót)*

Ở bài thơ này có thể thấy rõ: sáu câu đầu là cái nhìn thấy, nghe thấy thì sáu câu sau không còn thấy tiếng chim hót nữa mà như lời van lơn, cầu cứu vô vọng. Các ý thơ gom lại thành tứ thơ độc đáo có ý nghĩa sâu sắc mà chắc rằng bất cứ ai khi đọc những vần thơ này lên cũng sẽ cảm thấy một chút gì xao xuyến, rằng có lúc nào đó mình vô tình trở thành người vô tâm. Nhà thơ đã tâm sự những trăn trở của mình: “Tiếng hót chim mang thiên nhiên xa rộng về thành phố làm thư giãn tâm trí con người đang bị nhịp sống khẩn trương bao vây, dồn nén. Mỗi sớm mai nghe chim hót từ các nhà hàng xóm vọng tới, tôi có cái hạnh phúc được gặp lại những cánh rừng, con suối từ thời trẻ, hương kí ức ngát ngào và bầu trời cao rộng. Cứ vô tâm hưởng thụ tiếng hót, một hôm mới chợt nghĩ đến chim, nghĩ đến những cánh rừng cận kề, tro bụi. Lòng bỗng cảm thương làm bài thơ này”. Như vậy chúng ta có thể thấy, thơ Vũ Quần Phương thường được thể hiện bằng những tứ thơ đã được định hình từ trong cảm xúc. Và để đạt được những câu thơ tâm huyết thì luôn cần đến độ chín và cảm xúc chân thành và mãnh liệt.

Từ những câu chuyện cổ tích, dân gian, Vũ Quần Phương thường hay nhìn lại và ngẫm ngợi. Trong đầu lại hình thành một tứ thơ từ một câu chuyện xưa như trái đất mà ai cũng biết nhưng ông có những tư duy thú vị và độc đáo. Ở bài thơ *Toán*, từ câu chuyện về con sên “ngày bò lên ba mét/ tối lại tụt xuống hai/ tường mười lăm mét cao/ bao giờ sên tới mái?”. Ý thơ thứ hai đưa ông trở về năm mình học lớp bốn với một tư duy toán học giản đơn, ông đã giải được đáp án như là đáp số chung của bài toán vui: “Chiều ngày thứ mười ba/ năm lớp bốn tìm ra/ tôi được điểm mười toán”. Nhưng đến khi:

Bây giờ vào tuổi lớn  
một câu hỏi bất ngờ:  
sên là sinh vật  
bò lâu nó mệt  
và nửa chừng nó chết thì sao?

Những ý thơ kết nối thành nút buộc của tư duy tạo nên tứ thơ khiến mỗi người đều nhìn lại những gì là đáp án của toán học vô cảm liệu đã phải là chính xác khi áp dụng vào đời sống con người? Cuộc sống vốn ẩn chứa nhiều điều bất ngờ và cũng như hành trình vượt lên của con sên kia, chắc gì đã có thể sống đến “ngày thứ mười ba” như đáp án.

Việc sử dụng những tứ thơ đã góp đã góp phần tạo nên dấu ấn phong cách thơ của Vũ Quần Phương. Nó phù hợp với con người cả nghĩ, ưa suy tư chiêm nghiệm và triết lí, cái tạng thơ của ông. Đồng thời, việc sử dụng tứ thơ cũng làm cho thơ ông mất đi vẻ tươi tắn, nặng chất trí tuệ ở trong đó.

### 3.1.2 Tứ trong câu

Không chỉ thể hiện tứ ở trong bài, mà trong từng câu thơ cũng có tứ thơ. Tứ trong câu như tế bào cảm xúc mang hạt nhân trí tuệ bên trong. Chỉ một tứ thơ cũng đủ sức làm lay động lòng độc giả và nó diễn tả trọn vẹn một ý tưởng với sự cô đọng và hàm xúc cao. Nhẹ nhàng mà thâm thúy, sâu sắc và thâm trầm, có nhiều tứ thơ ngay trong câu thơ đã làm cho độc giả phải ngẫm nghĩ và thấm thía. Đó là hình ảnh những bậc sinh thành ra mỗi chúng ta đã vất vả, tảo tần hôm sớm trên cánh đồng, những hình ảnh đơn sơ giản dị mà rung động lòng người, những hình ảnh như tạc vào thế kỉ:

Bóng mẹ đứng trong ráng chiều đập đất  
Bóng cha cày trong mỗi hạt cơm ăn

*(Những câu thơ trong đêm)*

Hay trong một đề tài muôn thừa của thi ca, quen thuộc nhưng không bao giờ xưa cũ với nhân loại - đề tài tình yêu. Và sự chờ đợi trong tình yêu là một khía cạnh mà có bao ý kiến khác nhau, chờ đợi là hạnh phúc hay là bi kịch? Có lẽ nên nhìn thẳng vào sự thật, chờ đợi nó vẫn thường là bi kịch, là nỗi đau, nhất là trong sự vùn xoay của cuộc sống bây giờ. Con người, cảnh vật trở nên gần gũi hay xa lạ với nhau đôi khi chỉ trong khoảnh khắc mà có khi là trong cả cuộc đời.

Đứng một ngày đất lạ thành quen

Đứng một đời em quen thành lạ

(*Đợi*)

Tình yêu nếu đem hoa kết trái thì nó là những quả ngọt pha lẫn chút dư vị đắng chát nhưng nếu không kết trái thì nó thật sự là quả đắng, thậm chí là nỗi đau, là bi kịch của sự phũ phàng, vô tình như sự trôi chảy của thời gian, sự xoay vùn của con tạo và của chính lòng người. Vẫn biết tình yêu luôn có hai mặt của nó, hạnh phúc và khổ đau. Nhưng dẫu người ta có gặp đau khổ trong tình yêu đi chăng nữa thì chắc hẳn sẽ không mấy ai hối hận vì mình đã yêu chân thành và sâu sắc. Mà trái lại, người ta vẫn cứ yêu, vẫn còn yêu và vẫn sẽ yêu cái người mình đã yêu, người đã bắn mũi tên ái tình vào trái tim yêu. Đó là ý thơ tưởng như mâu thuẫn nhưng lại rất có lí trong tứ thơ ở một câu thơ trong bài *Thuyền Chương Chi đang trôi*:

Con chim trúng đạn yêu bàn tay cung

Rồi vẫn là chủ đề tình yêu, chỉ một câu thơ đã diễn tả một tứ thơ đạt dào cảm xúc của một niềm yêu say đắm mà mãnh liệt:

Tình yêu biến anh thành hạt cát

gánh một niềm sa mạc chờ em”.

Từ một tia nhìn, Vũ Quần Phương có thể thấy trong đó điểm đầu và điểm cuối của cả một đời con người:

### Chiếc tã trước hiên nhà

#### Nắm mộ cánh đồng xa

Khi một đứa trẻ chào đời thì chiếc tã bao bọc đứa trẻ đón nó vào đời. Và cùng một tia nhìn đó, ở xa xa kia ngoài cánh đồng là “nắm mộ”, là chiếc vỏ bao bọc con người khi về với đất. Ngay trong một câu thơ đã thể hiện một tứ thơ trọn vẹn, sâu sắc mà thấm thía.

Thời gian cứ trôi, cái giây phút này mà chúng ta đang sống chỉ trong một khoảnh khắc thôi nó đã thành quá khứ dù có muốn hay không. Cũng như câu nói: “Không ai được tắm hai lần trên một dòng sông” vậy. Và Vũ Quần Phương không cần phải dùng nhiều câu chữ cho ý nghĩa đó, chỉ bằng một tứ thơ trong câu tả cái bong bóng xà phòng trong trò chơi tuổi nhỏ: “Vừa bay vừa thành kí ức” đã diễn tả trọn vẹn và hàm xúc quy luật của thời gian đó. Thậm chí, với một từ “bay” cũng đã lột tả được việc thời gian trôi đi một cách chóng vánh. Mà ở đây, vừa bay lại còn “vừa thành kí ức” thì ngay giây phút mà ta đang sống này đây đã là kí ức luôn rồi mà ta không kịp nhận ra.

### 3.2 Giọng điệu

Giọng điệu nghệ thuật là một phạm trù của thi pháp học có vai trò không nhỏ trong việc bộc lộ cái tôi chủ quan và góp phần thể hiện phong cách nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ. Giọng điệu thể hiện thái độ, lập trường, cách nhìn của chủ thể phát ngôn về đối tượng được nói tới. Nhà nghiên cứu Khrapchenko từng khẳng định: “Đề tài, tư tưởng, hình tượng chỉ được thể hiện trong một môi trường giọng điệu nhất định, trong phạm vi của thái độ cảm xúc nhất định đối với đối tượng sáng tác, đối với những mặt khác nhau của nó”. Giọng điệu là một trong những phương tiện thể hiện bản lĩnh, phong cách, cá tính nhà văn, nhà thơ.

Giọng điệu thơ Vũ Quần Phương không phải là tiếng hô, tiếng hét nơi chiến trường ác liệt nhưng các sáng tác của ông vẫn nằm trong mạch thơ của thời đại, ngợi ca cuộc sống, ngợi ca những vẻ đẹp của tập thể, của con người.

### 3.2.1. Giọng độc thoại

Vũ Quần Phương viết rất nhiều vấn đề trong cuộc sống. Viết về những người nông dân, về nhà văn, về nghề thơ,... viết về tất cả mọi người. Nhưng bên cạnh đó ông có những vần thơ viết cho riêng mình, độc thoại với chính bản thân mình, trở về với chính mình. Có lúc ông tự hỏi mình sẽ “đi về đâu”:

Sóng lặn xuống cửa sông  
Sóng đi về với bể  
tôi lặn xuống lòng mình  
Tôi đi về đâu?

*(Cửa biển, quê nhà)*

Nhà thơ không biết mình đi về đâu ngay từ những dòng thơ viết về nguồn gốc, bản thân mình: “Tên Quần Phương” nhưng “thân tha phương”. Đôi khi ông cảm thấy như mình lạc lõng giữa cuộc đời. Mà nếu như thân xác có đi lạc hay có “tha phương” thì vẫn có thể đi về nhưng nếu hồn “tha phương” mới là điều đáng lo ngại. Lúc ấy, có lẽ ta thật sự bối rối, không biết hồn mình hướng vào đâu:

Ta lạc vào ta, cái miền đất thăm  
Ngõ như gần gần mà thật xa xôi

*(Chùa Làng)*

Vẫn giữ một giọng điệu nhẹ nhàng như thủ thỉ với chính bản thân mình, nói với chính mình. Nhà thơ tự đặt ra những câu hỏi mà không biết đâu là lời đáp:

Mặt đường đầy gió thổi  
Hạt bụi nào quen tôi

*(Bụi)*

Rồi như cảm nhận rõ mình chỉ như nhỏ bé như hạt bụi, chỉ là cát bụi trần ai giữa những cơn giông tố của cuộc đời. Ông thấy mình bơ vơ, nhỏ bé thậm chí là vô nghĩa trước cuộc đời rộng lớn lại cứ “thăm thẳm trôi” theo quy luật của thời gian. Ông viết:

Trời tối dần ngoài cửa sổ  
Tôi cũng chìm dần trong bóng tối  
Người như lùn xuống thân thu lại  
Hạt bụi nằm thương nhớ xa xôi

*(Trời tối dần)*

Hầu hết những vần thơ khi viết về bản thân mình, giải bày lòng mình, ông đều sử dụng giọng độc thoại để nói lên cái cô đơn, bơ vơ và lạc lõng của mình. Bởi vốn là người ưa suy tư chiêm nghiệm, với cái tạng thơ luôn u uẩn nỗi buồn. Ông suy tư, triết lí trước hết từ chính bản thân mình, nghiệm ở chính cuộc đời mình, những gì mình đã trải qua. Rồi sau đó ông mới viết về nhân thế và những vấn đề khác trong xã hội. Cho nên, giọng độc thoại là một giọng điệu dễ thấy và đặc trưng ở Vũ Quần Phương, góp phần tạo nên nét phong cách riêng của ông.

### **3.2.2. Giọng trữ tình, hóm hỉnh**

Vũ Quần Phương mang đến cho người đọc những vần thơ dạt dào cảm xúc và chất chứa suy tư. Nhưng không vì thế mà đọc thơ ông chúng ta thấy nặng nề. Ông vẫn đảm bảo cho thơ có đủ những chức năng của nó, trong đó người đọc vẫn có thể giải trí với tiếng cười vui bởi một chất giọng hài hước, hóm hỉnh của một người giàu lòng yêu đời. Thơ là liều thuốc của tâm hồn, làm cho lòng người tươi trẻ và phong phú hơn, cho nên khi đọc thơ ông, độc giả sẽ cảm nhận được nhiều vần thơ hóm hỉnh, vui vui mà vẫn ẩn chứa những triết lí và kinh nghiệm sống. Điển hình như trong bài *Phương tiện*, ông viết:



Vua chỉ ngắm chiếc hài mà mê cô gái  
Cũng là anh rô đại  
Lấy cỡ chân để chọn một con người  
Cũng may Tấm hiền ngoan sắc nước hương trời  
Vua tam toạng tào lao mà hết ý  
đã là vua thì say bí tỉ  
cũng thành khôn

*(Phương tiện)*

Rồi vẫn nhìn từ cái nhìn những giá trị dân gian bằng con mắt hài hước:

Thầy dạy những gì?  
Chi hồ giả dã  
Học trò nghiêng ngả  
khổ qua mùa xuân  
Nước chảy ngoài sông cánh đồng mát thế  
Mà mặt thầy cau, mà thước thầy cầm

*(Tranh tết dân gian).*

Khi lấy chất liệu từ cuộc sống hiện đại, ông cũng tỏ ra là một người rất hiện đại với ngôn ngữ của thời đại. Với những tiếng lóng vỉa hè và ngôn ngữ hiện đại để nói về hội làng truyền thống nhưng lại ảnh hưởng rất nhiều, lai căng nhiều những nét văn hóa phương Tây:

Hội làng 7up, Pepssi  
Cờ căng la liệt người đi đầy đường  
Đất quê đang hóa phố phường  
Môi son đỏ choét, má hường lem nhem  
Đường làng hoa bưởi ngát đêm  
Sao em mặt lạnh như kem Bờ Hồ  
Áo phong thôn nữ quần bò

Dưới vuông váy ngắn thập thò chân đen

*(Hội làng)*

Hay với những thói tật của con người hiện đại, những chiêu thức, của nạn tham ô, ông lên tiếng bằng tiếng cười hài hước:

Đỏ biến thành xanh, xanh hóa đỏ

Ký tờ giấy nhỏ hóa đô la

Đâu phải trường anh mới dạy xiếc

Trông kìa trong cái cũi người ta

*(Trường xiếc)*

Ông buông tiếng cười ản sau đó làn nỗi lo trước những giá trị văn hóa truyền thống sẽ bị “hòa tan” trong xu hướng hội nhập của xã hội hiện đại:

Áo cài khuy bấm

em làm khổ tôi

phécmotuya khắp người

hắn ông chết ngất

*(Bao giờ quan trạng)*

Có lúc, thì nhà thơ hóa thân vào một người bạn để phác họa nên bức chân dung nhà thơ rất “dở hơi” bằng một giọng điệu hài hước nhưng thâm thúy:

Thơ viết báo không đăng

Thì đem chai ra đọc

...

Tùng rinh ta đi học

học giỏi mới làm thơ

thiên hạ lơ tơ mơ

thì tớ cũng lơ mơ

chưa say thì lại uống

chưa uống mà đã say  
cầm chén ráo trên tay  
tập làm anh nát rượu

*(Cuộc đời kỳ ảo)*

Bằng giọng điệu hóm hình, hài hước, những vần thơ chân thật nhưng lại tràn đầy cảm xúc và thức tỉnh được tâm hồn một người “ông” khi quan sát thằng cháu nhỏ đáng yêu:

Thằng cu Trí nhìn ông  
Chùng cũng thích như nhìn mèo, nhìn chó  
Nghịch đầu ông, vỗ tóc, vò tai, xoa ... thích chí  
Ông thì như đang uống rượu của trời  
Say sưa túy lúy  
Cái đầu ông ngỡ đưng toàn nhí nhố  
Lại đủ làm cho cháu cười vang  
Cái nụ cười bốn răng rớt rãi  
Lại đủ làm cho ông có lại  
Những niềm vui tưởng buột khỏi tay rồi  
Dạy cho ông hiểu cái thú đời người  
Lại là cháu, cái thằng bò như ... cún

*(Thơ tặng cháu)*

Với giọng điệu trữ tình hóm hình, làm thơ Vũ Quần Phương trở nên sinh động và gần gũi hơn với độc giả. Nó không những làm thơ ông thêm phần thi vị mà vẫn thể hiện được những suy nghĩ, chiêm nghiệm, triết lí về cuộc đời mà ông đã đúc rút và tạo nên bằng trí tuệ và kinh nghiệm sống của mình.

### 3.2.3. Giọng thơ nhẹ nhàng, hoài niệm

Giọng thơ nhẹ nhàng hoài niệm là một giọng thơ chủ đạo trong việc thể hiện phong cách nghệ thuật Vũ Quần Phương. Bởi không phải ở cái tuổi đã đứng bóng, ông mới nhớ về những kỷ ức ngày hôm qua mà với một tạng thơ luôn trầm buồn của con người ưa nghĩ ngợi. Ông nghĩ về tất cả những gì đã và đang xảy ra trong cuộc sống với một giọng thơ nhẹ nhàng như thủ thi tâm tình. Vốn xuất phát cùng thời với các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ, cùng “vào sinh ra tử” ở chiến trường ác liệt với cương vị một bác sĩ hoạt động ở tuyến hai. Thường xuyên phải tiếp xúc với những người bệnh bị thương do chiến tranh, đối diện với tử thần từng phút giây. Ông thấm thía những hi sinh mất mát của những con người đã trải qua thời chiến. Nên ông sao có thể quên cái thời khắc:

Hai mươi tuổi con đi - đất nước hóa con đường

Hai mươi tuổi hát ca - Đất nước thành bài hát

*(Viết cùng đồng đội)*

Có ai mà quên được những năm tháng chiến tranh gian khổ mà hào hùng ấy. Tất cả họ đều in hằn những kỷ niệm mà suốt đời không bao giờ quên về đồng đội của mình. Vũ Quần Phương hẳn cũng như các nhà thơ thời chống Mỹ khác đều chân thành như vậy:

Có những điều tưởng đã trôi xa

Bỗng trở lại giữa hồn ta chi chút

*(Âm thanh im lặng)*

Thế nên khi trở về cuộc sống hòa bình, ông vẫn còn đó nỗi đau đau khôn nguôi cho những hình ảnh nơi chiến trường:

Mùa này rừng đã đổ mưa

Anh em trạm ấy bây giờ ở đâu

Võng đưa trên tám tầng lầu

Bâng khuâng nhớ góc hầm sâu giữa rừng

*(Đêm đầu tiên vào Sài Gòn ngủ võng)*

Khi nghe cô ca sĩ trẻ hát bài hát về Trường Sơn, những thiếu thốn, gian khổ, hi sinh của đồng đội lại hiện hữu trong tâm trí ông. Ông không muốn thế hệ hôm nay quên những gian khổ cha anh đã trải qua:

Đêm Sài Gòn đỏ rực cờ bay:

Trước sân khấu tôi ngồi nghe em hát

Em tô đỏ môi son, em kẻ xanh mi mắt

Cô gái ấy ở rừng không có gương soi

*(Cô ca sĩ Sài Gòn hát bài hát Trường Sơn)*

Bằng giọng thơ nhẹ nhàng hoài niệm, ông đưa độc giả trở về những năm tháng chiến tranh khi nhớ đến những thiếu thốn, hi sinh mà những cô thanh niên xung phong dũng cảm trên tuyến đường Trường Sơn năm nào đã hi sinh cả tuổi thanh xuân, thậm chí cả tính mạng của mình cho nền độc lập của dân tộc:

Những cô gái yêu đời cả thu đông xuân hạ

Chưa một lần thông thả trước gương soi

*(Bài hát)*

Hay:

Sóng vỗ òa trên đỉnh đá lô xô

chị Sáu hát khi quân thù ngấm bần

Mái tóc chị bay theo chiều gió mặn

Mái tóc xanh xanh mãi đến bây giờ

*(Nghĩa địa Hàng Dương)*

Ông luôn hướng *Về nguồn*:

Núi ngàn Việt Bắc

Trần thủ mũ man

Thóc chảy sang dò  
Lô nhô bộ đội  
Con gió thổi chín năm còn thổi  
Trên từng ngọn lá lồi ta qua  
(Về nguồn)

Giọng thơ nhẹ nhàng của ông không chỉ hoài niệm về chiến tranh, mà hướng về tất cả những gì đã diễn ra trong cuộc đời ông, thể hiện ở các chủ đề trong thơ ông viết. Ông hoài niệm về mẹ, về con cái, về trường xưa, về các nhà thơ, về cỏ cây muông thú,... Đó là khi đứng trước *Căn nhà xưa*, nơi có người mẹ hiền từ nay đã xa mà xót xa thương nhớ:

Chiếc dây phơi mẹ tôi phơi đứng kiềng  
Hai mươi một năm rồi đâu còn nghe tiếng mẹ  
Chiếc dây còn thì cũng hóa xa xôi  
(Căn nhà xưa)

Hay có khi, chỉ là một lần thất hứa với con mà ông nhớ mãi:

Bố hứa bắt cho con con ve  
Ve chưa kịp bắt đã qua hè  
Mùa sau con lớn chơi trò khác  
Bố một mình bên cây lẳng nghe  
(Lỡ)

Đằng sau những hoài niệm là cả một tấm lòng của người cha với con. Đồng thời ẩn trong đó là những chiêm nghiệm, những triết lí mà nhà thơ đúc rút được. Những cái gì trong cuộc đời đã lỡ rồi thì không thể làm lại được. Những lỗi lầm trong quá khứ vẫn biết nó sẽ là những bài học cho ta nhưng nó cũng là những nỗi đau có khi âm thầm, có khi mãnh liệt mà con người sẽ phải đối mặt và tìm cách vượt qua.

### 3.3 Ngôn ngữ thơ

Văn học được gọi là nghệ thuật ngôn từ bởi chính chất liệu được sử dụng để tạo nên tác phẩm. Với chất liệu đặc biệt mang tính phi vật thể, văn học có ưu thế hơn hẳn so với các môn nghệ thuật khác trong vai trò phản ánh hiện thực. Chất liệu đó là ngôn ngữ.

Ngôn ngữ văn học được bắt nguồn từ ngôn ngữ đời sống, từ tiếng nói của nhân dân nhưng nó đã được chọn lọc, gọt rũa và nâng lên đến trình độ nghệ thuật. Đi vào tác phẩm văn học, ngôn ngữ được tái sinh, mang tính cụ thể, tính hàm xúc, tính đa nghĩa, tính tạo hình biểu cảm. Tuy nhiên, ở mỗi thể loại tác phẩm văn học, những thuộc tính của ngôn ngữ lại biểu hiện những sắc thái và mức độ khác nhau. Ngôn ngữ thơ được đánh giá là ngôn ngữ tiêu biểu nhất của ngôn ngữ văn học bởi những thuộc tính ấy tập trung cao độ với yêu cầu cao nhất của thơ ca.

Thơ trữ tình là tiếng nói của tình cảm, hình tượng thơ là hình tượng của cảm xúc. Khác với văn xuôi, ngôn ngữ thơ được tổ chức trên cơ sở của nhịp điệu nên rất giàu nhạc tính. Ngôn ngữ thơ thường cô đọng và hàm xúc do sức nén của nội dung trong câu chữ. Điều này đòi hỏi sự lao động sáng tạo nghiêm túc của nhà thơ để ngôn ngữ thơ mang nhiều ý nghĩa mới.

Ngôn ngữ thơ có sự vận động, thay đổi theo tiến trình lịch sử. Nhìn vào lịch sử thơ ca, chúng ta thấy, ngôn ngữ thơ có sự vận động qua một hành trình dài. Từ ngôn ngữ hồn nhiên, dân dã trong ca dao đến ngôn ngữ mang tính quy phạm của thơ trung đại. Ngôn ngữ thơ có sự cách tân nhảy vọt khi bước vào thời kì hiện đại. Ngôn ngữ thơ của phong trào Thơ Mới đã phá vỡ những quy tắc ràng buộc, cảm xúc được tràn ra câu chữ. Nhưng Thơ Mới chưa nổi lại được chất hồn nhiên, gần gũi đậm đà của thơ ca dân gian. Sau Cách Mạng tháng Tám, thơ ca Việt Nam có sự thay đổi quan trọng. Văn học nói chung và thơ ca nói riêng thực hiện nhiệm vụ phục vụ cách mạng và cổ vũ chiến đấu.

Ngôn ngữ thơ ca như đã trút bỏ được những khuôn sáo, trở nên khỏe khoắn và gần gũi với ngôn ngữ đời sống.

Vũ Quần Phương thuộc lớp nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ cho nên ngôn ngữ thơ ông vừa nằm trong mạch chảy chung của ngôn ngữ thơ dân tộc, vừa có những đặc điểm riêng mang dấu ấn phong cách nhà thơ.

### **3.3.1. Ngôn ngữ đời thường**

Trong quan niệm về thơ của mình, Vũ Quần Phương đã từng nói: “thơ cần một hình thức giản dị và một nội dung sâu sắc”. Vì vậy, khi đến với thơ ông, dù ở bất kì đề tài nào chúng ta cũng thấy nổi bật lên là một ngôn ngữ thơ đậm chất đời thường, bình dị. Ông không “đao to búa lớn”, không cầu kì, hoa mỹ cũng không trau chuốt ngôn từ. Những vần thơ của ông cứ tự nhiên, chân thành và đời thường như ngôn ngữ trong cuộc sống thường nhật.

Ngay trong những vần thơ viết về chiến tranh, Vũ Quần Phương thường viết về những khoảng lặng của chiến trường, những phút giây thanh bình ngắn ngủi của cuộc sống nên ngôn ngữ thơ ông là những gì gần gũi, thân thuộc với con người nhất. Đó là hình ảnh của lối ngõ, bụi tre, cánh cò,... Chẳng hạn:

Trực chiến về mẹ hát ru con  
Lối ngõ thôn thơm mùi ổi chín  
Sau cơn mưa khí trời ngọt lịm  
Đêm xanh ngời khi ngôi sao lên  
Hai đầu kèo võng lại ru êm  
...  
Nghe tiếng ru cò lại bay về  
(*Sau giờ trực chiến*)



Hay:

Những gì ta thương yêu

Sau bờ tre kia nhĩ:

Mái nhà và ánh lửa

Tháng ngày ta lớn khôn!

*(Lúc cỏ đang mùa xuân)*

Trong cuộc sống thường nhật thì đó là những lời ăn tiếng nói hằng ngày, lời trò chuyện tâm tình của bố với đứa con thơ của mình:

Tại sao bố lại chiều em bé?

- Tại lúc sinh em bà mất rồi  
con được suốt ngày bà dỗ bẻ  
Em đi nhà trẻ chỉ nằm nôi

*(Thương em)*

Lời giải thích đơn sơ, mộc mạc mà chân thành để đứa con nhỏ hiểu và biết thương em mình hơn. Nó bình dị như chính hơi thở cuộc sống vậy. Làm cha rồi làm ông, ở tuổi nào ông cũng dành cho con cháu những tình cảm ấm áp với lời thơ giản dị, đời thường:

Tâm vừa mở mắt gọi ông

Ông như có cánh bay trong vườn trời

Là ông, ông lại là người

Nghe văng trăng mọc mà tươi đêm rằm

*(Nghe cháu gọi ông)*

Ngôn ngữ thơ ông đời thường thể hiện ở những mảng đề tài, những vấn đề mà ông đề cập tới, miêu tả, kể chuyện hay cảm nhận về nó như những gì nó vốn có. Khi ông viết về những người xây cầu, người trông cỏ, người làm vườn, người chăn vịt,... ông dùng ngôn ngữ thật sự bình dân, dễ hiểu, gần gũi và đi vào lòng người. Có khi ông thủ thỉ tâm tình với những lời lẽ mộc mạc về

hoàn cảnh sống, về sự vất vả gian lao của những người lao động và ngay gần trước mắt là người vợ của mình. Ông kể với các con về mẹ của chúng:

Mẹ qua tuổi thanh niên thời đạn bom túng thiếu  
Mẹ thôi học khi trường phải đi sơ tán xa  
Ông ngoại con đã già, bác Hùng con hỏng mắt  
Mẹ con phải lo toan cơm nước cửa nhà

*(Gửi các con)*

### 3.3.2. Ngôn ngữ giàu màu sắc triết lí

Cảm thức trữ tình mang tính triết lí chi phối đến việc sử dụng ngôn ngữ thơ Vũ Quần Phương giàu màu sắc triết lí. Việc sử dụng ngôn ngữ đời thường không đồng nghĩa với ngôn ngữ dễ dãi. Trong mỗi bài thơ phần lớn là ngôn ngữ đời thường nhưng luôn có sự ngẫm ngợi, chiêm nghiệm và triết lí để mọi đối tượng độc giả đều có thể cảm nhận chiều sâu tác phẩm theo trình độ hiểu biết riêng của mình. Mỗi bài thơ đều có những câu thơ ẩn chứa những triết lí về cuộc đời, nhân tình thế thái. Chẳng hạn: viết về chuyện tình yêu như bài *Thuyền Chương Chi đang trôi*, ông thể hiện những chiêm nghiệm, triết lí, suy tư về tình yêu:

Mây trôi nước chảy mơ màng  
Con chim trúng đạn yêu bàn tay cung  
*(Thuyền Chương Chi đang trôi)*

Hay:

Đứng một ngày đất lạ thành quen  
Đứng một đời em quen thành lạ  
*(Đợi)*

Từ những điều bình thường, có khi là những điều ít ai để ý, nhưng ông lại thấy ở đó cái phi thường, những cái quy luật của cuộc sống bằng ngữ mang

màu sắc triết lí “sau câu, sau chữ”, sau những ngôn ngữ tưởng như rất đời thường kia:

Đá là vọng phu trước biển thương đau  
là cái cõi, cái chày trong đời thường bình dị  
là lịch sử, thời gian trên bia mờ nét chữ

...

đá an ủi con người, đá là kẻ đưa thư  
sao thiếu một phong thư gửi những người làm đá

*(Đá và những người thợ đá)*

Cái “tôi” ưa ngẫm ngợi, triết lí, ông vẫn thường chú ý đến những điều tưởng như nhỏ nhất dễ bị lãng quên nhưng ông đã nghĩ đến mối quan hệ giữa cái trường tồn, bất diệt và những điều ta dễ vô tình. Ông quan tâm đến những người làm ra tác phẩm đá với con mắt sâu sắc và trái tim nhân hậu. Ông không chỉ quan sát thuần túy mà bắt nguồn từ tấm lòng đầy thương yêu, trắc ẩn. Nên chúng ta cũng sẽ không ngạc nhiên khi ông viết về một ngọn cỏ dại mọc ven đường mà ông cũng dễ dàng nâng lên thành một triết lí:

Cỏ dại quen nắng mưa

Làm sao mà giết được

*(Cỏ)*

Không chỉ là ngọn cỏ mà cũng như con người, khi đã từng trải, đã kinh qua những thử thách khắc nghiệt của cuộc đời thì sẽ trở nên mạnh mẽ, vững vàng và bản lĩnh. Để có thể nhìn cuộc đời một cách nhẹ nhàng:

Có niềm vui mà nghĩ tội nghiệp

Có nỗi buồn nhìn lại nhẹ như không

*(Soi gương)*

Và hơn hết, ông chiêm nghiệm về nghề và tin tưởng rằng những vần thơ nó sẽ mang đến những giá trị nhân văn cho con người:

Giữa dòng chợ búa lao xao  
Câu thơ thấp phận nâng cao hồn người  
(*Phận thơ*)

Hay:

Đời dám yêu thơ thì thơ ơi đừng sợ  
Bút cũng như mầm chạm đất mới sinh sôi

...

Ngôn ngữ triết lí ông sử dụng không chỉ cho những suy tư về cuộc đời mình mà còn về những vấn đề lịch sử. Đôi khi ông coi: “Lịch sử như anh mù, anh điếc, anh câm”, bởi lịch sử nhiều điều sai lầm làm nhiều người tài bị oan khuất. Chẳng hạn, trước nỗi oan của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi, thi sĩ đã lên tiếng với sự phẫn nộ:

Nguyễn đã biết rêu êm, đã nghe suối hát  
Kìa đao phủ vung đao trên đầu mái tóc bạc  
Lịch sử nó là gì? Lịch sử nó là ai?  
Gốc thông già long lanh sương mai  
(*Côn Sơn*)

Những vấn đề thế sự nóng bỏng nhưng ông cũng biết cách sử dụng ngôn ngữ giàu màu sắc triết lí một cách khéo léo mà hóm hỉnh đồng thời cũng rất sâu sắc:

Đi một ngày đàng  
Học một sàng khôn  
Sàng thừa quá  
mà khôn thì lại vụn  
Đi mấy ngày đàng  
Chân vẫn hoàn chân  
(*Học khôn*)

Với sự ám ảnh khôn nguôi về sự trôi chảy của thời gian, ông đã triết lí rất nhiều về thời gian qua những bài thơ viết như gấp gáp nhưng lại sâu sắc (*Thời gian, Trong xe điện ngầm, Ngã ba, Côn Sơn, Cây si trong bệnh viện,...*). Chẳng hạn như suy ngẫm của một bác sĩ vốn chữa bệnh thể xác sang bác sĩ tâm hồn:

Bốn lần mười lăm giây không hẳn là một phút  
Nhịp đập trái tim người  
Khác biệt  
qua từng giây thời gian  
(*Đếm nhịp tim*)

Hay có khi, ông thể hiện suy nghĩ của một người từng trải không quan tâm và không còn lo lắng về thời gian bằng ngôn ngữ triết lí:

Đến tuổi nặng tai thì mới nghe  
Trộn trong màu và nét  
Tiếng thời gian  
Thì thầm  
(*Thì thầm*)

Bằng việc sử dụng ngôn ngữ triết lí đan xen trong từng bài thơ đã thể hiện sự hiểu biết và trái tim nhạy cảm của một con người không chỉ đầy tình yêu thương, lòng nhân ái mà còn có trách nhiệm với cuộc đời.

## KẾT LUẬN

Vũ Quần Phương thuộc lớp nhà thơ xuất hiện và được khẳng định trong nền thơ chống Mỹ. Ông là một người có tri thức trên nhiều lĩnh vực và là nghệ sĩ đa tài: viết văn, dịch thuật, phê bình văn học và làm thơ. Riêng lĩnh vực thơ, ông sáng tác nhiều và đạt được những thành công nhất định, sáng tạo nên một phong cách thơ độc đáo, riêng biệt và nhất quán trên suốt quá trình sáng tác thơ của mình.

Thơ Vũ Quần Phương mang phong cách của thời đại chiến tranh và cách mạng mà ông đã sống. Tuy nhiên, người đọc lại thấy ở thơ ông ít có sự thô nhám, gân guốc mà nặng về suy tư, chiêm nghiệm về chiến tranh, về thế sự, về con người. Trong nhiều bài thơ của Vũ Quần Phương dường như còn có những thông điệp trữ tình sau câu, sau chữ ẩn tàng như một thoáng suy tư, triết lý của cuộc sống trải nghiệm.

Vũ Quần Phương đến với thơ khá sớm và với một quan niệm nghệ thuật sâu sắc, rõ ràng về văn chương, về nghề nghiệp làm kim chỉ nam cho hoạt động sáng tạo. Độc giả cảm nhận trong thơ ông hình ảnh một nhà thơ luôn cả nghĩ, thấu đáo và trầm tĩnh. Mỗi ý, mỗi tứ trong bài, trong câu chữ ở Vũ Quần Phương dường như được bắt nguồn từ những cảm thức suy tư, chiêm nghiệm của một hồn thơ nhạy cảm. Trái tim “yêu cõi người thăm sâu”, của một thi sĩ đã đem đến cho người đọc những vần thơ thấm đậm men say tuổi trẻ của thế hệ mình bên cạnh những vần thơ tỉnh táo, hóm hỉnh ẩn chứa những ý vị triết lý trữ tình.

Trên bình diện thi pháp, quan niệm văn chương và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp đã điều tiết tương đối nhất quán và ổn định các hình thức nghệ thuật: từ cấu tứ đến giọng điệu và ngôn ngữ chuyển nghĩa. Hầu như thơ Vũ Quần Phương đều có tứ: tứ trong bài và tứ trong câu. Nét đặc trưng phong

cách này đã khiến thơ Vũ Quần Phương trong thời kì dân chủ hóa vẫn giữ được những nét đẹp truyền thống và không xa lạ đối với người đọc.

Gần nửa thế kỉ cầm bút, Vũ Quần Phương đã cho ra đời đều đặn 10 tập thơ. Nhiều bài thơ đã để lại ấn tượng tốt trong tâm trí độc giả. Có bài được phổ nhạc và trở nên càng gần gũi với mọi người. Hai giải thưởng của Hội nhà văn vào những năm 1983, 1996 và giải thưởng của Nhà nước năm 2007 cùng các cương vị khác nhau trong Hội Văn học Nghệ thuật Hà Nội, Hội nhà văn Việt Nam và đại biểu Quốc hội, Vũ Quần Phương đã khẳng định phong cách sáng tạo và nhân cách công dân của một người nghệ sĩ ở một thế kỉ đầy biến động của các giá trị tinh thần.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Tuấn Anh (1997), *Nửa thế kỷ thơ Việt Nam 1945-1975*, Nxb KHXH.
2. Vũ Tuấn Anh (5/1975), *Thơ với cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc*, TCVH.
3. Vũ Tuấn Anh (1/1976), *Thơ cách mạng Việt Nam hiện đại - Một nền thơ thống nhất*, TCVH.
4. Lại Nguyên Ân (1999), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb ĐHQG Hà Nội.
5. Phạm Văn Chữ, [http:// phongdiep.net/default](http://phongdiep.net/default).
6. Nguyễn Văn Dân (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu Văn học*, Nxb KHXH.
7. Xuân Diệu (1984), *Công việc làm thơ*, Nxb Văn học.
8. Hữu Đạt (1996), *Ngôn ngữ thơ Việt Nam*, Nxb GD.
9. Hà Minh Đức (1974), *Thơ và mấy vấn đề thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb KHXH, Hà Nội.
10. Hà Minh Đức, Đỗ Văn Khang, Phạm Quang Long, Phạm Thành Hưng, Nguyễn Văn Nam, Đoàn Đức Phương, Trần Khánh Toàn, Lí Hoài Thu (2001), *Lí luận văn học*, Nxb GD.
11. Nguyễn Sĩ Đại (1966), *Một số đặc trưng nghệ thuật của thơ tư tuyệt đời Đường*, Nxb văn học.
12. Phan Cự Đệ, Trần Đình Sử, Đinh Văn Đức, Mã Giang Lân, Phan Trọng Thường, Bùi Việt Thắng, Hà Văn Đức, Bích Thu, Lê Dục Tú (2004), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX, những vấn đề lịch sử và lí luận*, Nxb GD.
13. Heghen, *Mỹ học, những văn bản chọn lọc (1996)*, Nxb KHXH.
14. Bùi Công Hùng, *Vài nét về thơ trong thời gian gần đây (4/1984)*, TCVH.
15. Bùi Công Hùng (1/1985), *Nhạc điệu của thơ Việt Nam hiện đại trong 40 năm qua*, TCVH.



16. Bùi Công Hùng (5/1980), *Máy quan sát về thơ Việt Nam hiện đại*, TCVH.
17. Bùi Công Hùng (2000), *Tiếp cận Nghệ thuật thơ ca*, Nxb Văn hóa thông tin.
18. Trịnh Đình Hùng (2007), *Độc Chỗ ấy, sóng ...*, Nxb Hội nhà văn.
19. Mai Hương (1/1981), *Nghĩ về đóng góp của đội ngũ trẻ trong thơ chống Mỹ*, TCVH.
20. Lê Đình Ky (1969), *Đường vào thơ*, Nxb Văn học, Hà Nội.
21. Mã Giang Lân, *Nhìn lại thơ 30 năm chiến tranh (2/1992)*, TCVH.
22. Nguyễn Văn Long (2002), *Văn học Việt Nam thời đại mới*, Nxb GD.
23. Phương Lựu (1989), *Tinh hoa lí luận văn học cổ Trung Quốc*, Nxb GD, Hà Nội.
24. Nguyễn Đăng Mạnh (2002), *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, Nxb GD.
25. Nguyễn Xuân Nam (4/1983), *Nghĩ về cái mới trong thơ*, TCVH.
26. Nhiều tác giả (1985), *Thơ Việt Nam 1945 – 1985*, Nxb GD, Hà Nội.
27. Nhiều tác giả (1997), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
28. Nhiều tác giả (1995), *Thơ tình người lính*, Nxb Phụ nữ.
29. Nhiều tác giả (1981), *Từ trong di sản*, Nxb Tác Phẩm mới, Hà Nội.
30. Nhiều tác giả (1986), *Từ điển triết học*, Nxb Tiến bộ Maxcova, 1986.
31. Vũ Nho (2001), *Đi giữa miền thơ*, Nxb Văn hóa thông tin.
32. Viện Văn học (1984), *Nhà thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb KHXH, Hà Nội.
33. Nhà văn và tác phẩm (1991), *Thơ Xuân Quỳnh*, Nxb Hội nhà văn.
34. Minh Phương (7/7/2000), *Báo Nhân dân*.
35. Vũ Quần Phương (1969), *Âm thanh im lặng*, Nxb Văn học.
36. Vũ Quần Phương (1977), *Hoa trong cây*, Nxb Văn học.
37. Vũ Quần Phương (1983), *Những điều cùng đến*, Nxb Tác phẩm mới.
38. Vũ Quần Phương (1985), *Vàng trắng trong xe bò*, Nxb Hà Nội.

39. Vũ Quần Phương (1988), *Vết thời gian*, Nxb Văn học.
40. Vũ Quần Phương (2000), *Quên chữ... Quên câu*, Nxb Văn học.
41. Vũ Quần Phương (2003) *Giấy mệnh mông trắng*, Nxb Văn học.
42. Vũ Quần Phương (2007), *Chỗ ấy, sóng..* Nxb Hội nhà văn.
43. Vũ Quần Phương (2011), *Chân trời sau chân trời*, Nxb Văn học.
44. Vũ Quần Phương (2012), *Tuyển tập thơ*, Nxb Hội nhà văn.
45. Trần Đình Sử (1987), *Thi Pháp thơ Tố Hữu*, Nxb Tác Phẩm mới, Hà Nội.
46. Trần Đình Sử (1996), *Lý luận và phê bình văn học*, Nxb Hội nhà văn.
47. Trịnh Thanh Sơn (1997), *Báo Người Hà Nội*, số 49.
48. Vũ Văn Sỹ (2/1981), *Cái hôm qua trong đời sống hôm nay*, TCVH.
49. Vũ Văn Sỹ (1999), *Về một đặc trưng thi pháp thơ Việt Nam (1945-1975)*, Nxb KHXH.
50. Vũ Văn Sỹ (2005), *Mạch thơ trong nguồn thế kỷ*, Nxb KHXH.
51. Hoài Thanh – Hoài Chân (1988), *Thi nhân Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
52. Hoài Thanh (5/1978), *Về xu hướng tự do hóa hình thức thơ*, TCVH.
53. Nguyễn Bá Thành (1999), *Thơ Chế Lan Viên với phong cách suy tưởng*, Nxb GD.
54. Nguyễn Bá Thành (1996), *Tư duy thơ và tư duy thơ hiện đại Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
55. Trần Khánh Thành (2002), *Thi pháp thơ Huy Cận*, Nxb Văn học.
56. Lưu Khánh Thơ, <http://vnca.cand.com.vn/vi-VN/tho/2005/2/52221.cand>
57. Nguyễn Trọng Nghĩa (6/1980), *Tìm hiểu ngôn ngữ thơ*, TCVH.
58. Bích Thu (3/1983), *Thơ và một số vấn đề*, TCVH.
59. Lê Dục Tú (3/1992), *Về một số đặc điểm của thơ hôm nay*, TCVH.
60. Chế Lan Viên (1981), *Nghĩ cạnh dòng thơ*, Nxb Văn học, Hà Nội.
61. Phan Cung Việt, (1977), *Báo Tiền phong*, số 17.
62. Phạm Thu Yến (7/1998), *Ca dao vọng về trong thơ Nguyễn Duy*, TCVH.

63. Xuân Diệu (8/1961), *Quy luật cuộc sống và quy luật tác phẩm trong thơ*, Văn nghệ.
64. Tập thơ bạn trẻ (1965), *Sức mới*, Nxb Văn học, Hà nội.
65. Tạp chí *Văn học và tuổi trẻ* (8/2005), Nxb GD, số 8.
66. Trung tâm Từ điển (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm từ điển học.